

# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302963695, đăng ký lần đầu ngày 19/06/2003,  
sửa đổi lần 28 ngày 16/06/2021)



Trụ sở chính : 34A - 34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại : 024 3933 3636

Fax: 024 3933 6426

Website : <https://vietabank.com.vn/>

**Người công bố thông tin:**

Họ tên : Nguyễn Văn Trọng

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc điều hành

Điện thoại : 024 3933 3636

Fax: 024 3933 6426

# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302963695, đăng ký lần đầu ngày 19/06/2003, sửa đổi lần 28 ngày 16/06/2021)*

Trụ sở chính : 34A - 34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại : 024 3933 3636

Fax: 024 3933 6426

Website : <https://vietabank.com.vn/>

### *Người công bố thông tin*

Họ tên : Nguyễn Văn Trọng

Điện thoại : 024 3933 3636

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc điều hành

Fax: 024 3933 6426

## MỤC LỤC

I.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG.....	5
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
1.1.	Giới thiệu chung về công ty.....	5
1.2.	Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	6
1.3.	Quá trình hình thành và phát triển.....	7
1.4.	Quá trình tăng vốn của Ngân hàng.....	11
2.	Cơ cấu tổ chức Ngân hàng.....	20
3.	Cơ cấu quản lý của công ty.....	21
3.1.	Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý.....	21
3.2.	Diễn giải sơ đồ bộ máy quản lý của Ngân hàng.....	22
4.	Cơ cấu cổ đông.....	24
4.1.	Cơ cấu cổ đông tại ngày 25/06/2021.....	24
4.2.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của VAB.....	24
4.3.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	25
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng, những công ty mà Ngân hàng đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với Ngân hàng.....	25
5.1.	Công ty mẹ của Ngân hàng.....	25
5.2.	Công ty con của Ngân hàng.....	25
5.3.	Những công ty mà Ngân hàng đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	25
5.4.	Công ty liên kết của Ngân hàng.....	25
5.5.	Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với Ngân hàng.....	26
6.	Hoạt động kinh doanh.....	26
6.1.	Hoạt động kinh doanh chính của ngân hàng.....	26
6.1.1.	Hoạt động huy động vốn.....	26
6.1.2.	Hoạt động tín dụng.....	33
6.2.	Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn.....	47
6.2.1.	Tổng quan.....	47
6.2.2.	Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Khối Quản trị rủi ro.....	47
6.2.3.	Các phương pháp đánh giá rủi ro các khoản vay.....	48
6.2.4.	Mục tiêu và định hướng công tác quản trị rủi ro.....	49
6.3.	Thị trường hoạt động.....	51



6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện.....	52
6.5. Cơ cấu doanh thu.....	53
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất .....	54
8. Vị thế của Ngân hàng so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	56
8.1. Vị thế của Ngân hàng trong ngành.....	56
8.2. Triển vọng phát triển của ngành .....	57
9. Chính sách đối với người lao động.....	59
9.1. Số lượng người lao động trong Ngân hàng.....	59
9.2. Mức lương bình quân.....	61
10. Chính sách cổ tức .....	61
11. Tình hình tài chính .....	61
12. Tài sản .....	66
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....	67
14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty đại chúng:.....	69
15. Chiến lược định hướng phát triển kinh doanh .....	69
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến công ty.....	70
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	71
1. Hội đồng quản trị .....	71
2. Ban Kiểm soát.....	81
3. Ban Tổng giám đốc .....	85
4. Phụ trách kế toán.....	90
5. Kế hoạch tăng cường quản trị Ngân hàng.....	91
6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	92
7. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất): .....	102

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP Việt Á.....	20
Sơ đồ 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý.....	21
Sơ đồ 3: Cơ cấu tổ chức của khối quản trị rủi ro.....	48



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các giải thưởng và thành tựu đạt được .....	9
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 25/06/2021 .....	24
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của VABsa tại thời điểm 25/06/2021 ..	24
Bảng 4: Cơ cấu huy động vốn của VietABank trong giai đoạn 2019 – 31/03/2021 .....	30
Bảng 5: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn trong giai đoạn từ năm 2019 – 31/03/2021 .....	37
Bảng 6: Dư nợ cho vay theo lĩnh vực trong giai đoạn từ năm 2019 – 31/03/2021 .....	38
Bảng 7: Dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp giai đoạn từ năm 2019 – Quý I/2021 .....	39
Bảng 8: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng trong giai đoạn 2019 – 31/03/2021 .....	40
Bảng 9: Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng .....	41
Bảng 10: Hoạt động đầu tư của VAB .....	41
Bảng 11: Hoạt động đầu tư của VAB .....	42
Bảng 12: Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn của VAB .....	43
Bảng 13: Kết quả hoạt động đầu tư .....	43
Bảng 14: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ .....	45
Bảng 15: Hoạt động dịch vụ .....	46
Bảng 16: Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch của VAB .....	51
Bảng 17: Cơ cấu thu nhập của VAB .....	53
Bảng 18: Cơ cấu lãi lỗ thuần của VAB .....	53
Bảng 19: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ từ năm 2019 – Quý I/2021 .....	54
Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ năm 2019 – Quý I/2021 .....	55
Bảng 21: Cơ cấu nhân sự của VAB .....	60
Bảng 22: Mức lương bình quân .....	61
Bảng 23: Thời gian khấu hao tài sản cố định .....	63
Bảng 24: Trích lập các quỹ .....	64
Bảng 25: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước .....	64
Bảng 26: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng .....	65
Bảng 27: Tình hình tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm 31/03/2021 .....	66
Bảng 28: Tình hình tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm 31/03/2021 .....	66
Bảng 29: Tài sản có khác tại thời điểm 31/12/2019; 31/12/2020 và 31/03/2021 .....	66
Bảng 30: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....	67
Bảng 31: Hội đồng quản trị .....	71
Bảng 32: Ban Kiểm soát .....	81
Bảng 33: Ban Tổng Giám đốc .....	85
Bảng 34: Phụ trách kế toán .....	90
Bảng 35: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ .....	92
Bảng 36: Các giao dịch với người có liên quan phát sinh trong năm 2020 .....	102
Bảng 37: Các giao dịch với người liên quan phát sinh trong Quý I/2021 .....	102

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu huy động vốn theo đối tượng khách hàng của VAB.....	31
Hình 2: Tình hình tiền gửi của khách hàng qua các năm.....	32
Hình 3: Tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn của VAB.....	32
Hình 4: Tình hình hoạt động tín dụng của VAB.....	36
Hình 5: Cơ cấu dư nợ cho vay theo kỳ hạn.....	37
Hình 6: Cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh.....	38
Hình 7: Cơ cấu dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp.....	39

## I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Giới thiệu chung về công ty

Tên Công ty:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á
Tên tiếng anh:	VIETNAM - ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Tên giao dịch:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á
Tên viết tắt:	VietABank
Trụ sở:	34A - 34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
Điện thoại:	024 3933 3636
Fax:	024 3933 6426
Website:	<a href="https://vietabank.com.vn/">https://vietabank.com.vn/</a>

Logo Công ty:



Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	0302963695 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 06 năm 2003, cấp thay đổi lần 28 ngày 16 tháng 06 năm 2021
Vốn điều lệ đăng ký:	4.449.635.670.000 đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn bốn trăm bốn mươi chín tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)
Vốn điều lệ thực góp:	4.449.635.670.000 đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn bốn trăm bốn mươi chín tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Phương Hữu Việt – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ngày Ngân hàng đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:	22/06/2007
Ngày Ngân hàng trở thành công ty đại chúng:	Năm 2007
Lĩnh vực kinh doanh:	



- Về hoạt động kinh doanh nội tệ: Thực hiện các nội dung được quy định tại Mục 1, Mục 2, Mục 3, Mục 4, Chương II của Nghị định số 49/2000/NĐ-CP ngày 12/09/2000 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại;
  - Về hoạt động kinh doanh ngoại hối: Thực hiện mua, bán các loại ngoại tệ ở thị trường trong nước; Cho vay các tổ chức trong nước và nước ngoài bằng ngoại tệ; Vay vốn bằng ngoại tệ của các tổ chức trong nước và nước ngoài; Thực hiện việc thu hút và chi trả kiều hối; Mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài;
  - Thu đổi và đặt các bản thu đổi ngoại tệ. Nhận tiền gửi và tiết kiệm bằng ngoại tệ của khách hàng. Thực hiện các dịch vụ thanh toán ngân quỹ bằng ngoại tệ như: mở tài khoản trong nước bằng ngoại tệ, thanh toán trong nước bằng ngoại tệ, thực hiện các dịch vụ thu phát ngoại tệ tiền mặt cho khách hàng. Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư bằng ngoại tệ từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài. Bảo lãnh cho các khoản vay trong nước và nước ngoài bằng ngoại tệ. Phát hành hoặc làm đại lý phát hành các giấy tờ có giá bằng ngoại tệ. Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác bằng ngoại tệ. Mua bán hoặc làm đại lý mua bán các loại chứng khoán bằng ngoại tệ. Cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế;
  - Thực hiện nghiệp vụ phát hành và thanh toán thẻ nội địa ( thẻ thanh toán và thẻ tín dụng);
  - Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ trên thị trường nước ngoài;
  - Dịch vụ quản lý tiền mặt, các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản;
  - Mua bán Trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
  - Dịch vụ môi giới tiền tệ;
  - Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán trong nước;
  - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn;
  - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;
  - Hoạt động mua nợ;
  - Và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VAB.
- Sản phẩm/ dịch vụ chính: dịch vụ ngân hàng...

## 1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: VAB
- Tổng số chứng khoán ĐKGD: 444.963.567 cổ phiếu
- Tổng số chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tổ chức đăng ký giao dịch: 24.759.329 cổ phiếu. Trong đó, toàn bộ các cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là cổ phiếu của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát bị hạn chế

chuyển nhượng trong thời gian đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 56 Luật các Tổ chức tín dụng.

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với Nhà đầu tư nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á của nhà đầu tư nước ngoài sẽ phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Ngân hàng TMCP Việt Á là 30%.

Số lượng cổ phiếu của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) đang nắm giữ tại Ngân hàng TMCP Việt Á tại thời điểm ngày 24/06/2021 là 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

### **1.3. Quá trình hình thành và phát triển**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á (VAB) là một trong những ngân hàng trẻ tại Việt Nam, Được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai tổ chức tài chính đã hoạt động lâu năm trên thị trường tiền tệ, tài chính Việt Nam: Công ty Tài chính cổ phần Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đà Nẵng.

Ngày 19/06/2003, Ngân hàng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Đăng ký kinh doanh số 4103001665 với mức vốn điều lệ là 75.729.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu đồng*).

Nhằm tập trung chi đạo điều hành và phù hợp với chiến lược phát triển của VietABank giai đoạn tái cơ cấu 2013-2015, Hội đồng quản trị đã chi đạo hoàn thiện cơ sở hạ tầng Hà Nội và trình Ngân hàng Nhà nước chuyển Hội sở chính của Ngân hàng từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Thành phố Hà Nội như Điều 9 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 094/NQ-ĐHĐCĐ/13 đã thông qua ngày 26/04/2013.

Từ khi hoạt động đến nay Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) đã tăng vốn 18 lần từ 75.729.000.000 đồng lên 4.449.635.670.000 đồng bằng các hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho cổ đông chiến lược, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, trái phiếu chuyển đổi.

Hiện nay, VAB hoạt động theo giấy Đăng ký kinh doanh số 0302963695 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 06 năm 2003, cấp thay đổi lần 28 ngày 16/06/2021 với vốn điều lệ thực góp là 4.449.635.670.000 đồng (*Bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi chín tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*).



Trải qua hơn 16 năm hoạt động, VAB đã và đang từng bước xây dựng và phát triển vững mạnh, đạt nhiều thành tựu và dần khẳng định vị thế là đơn vị tài chính tiên phong. Với phương châm “Đồng hành cùng khát vọng”, VAB không chỉ là điểm tựa an toàn cho khách hàng cá nhân mà còn sát cánh với các doanh nghiệp trong sự nghiệp phát triển kinh tế Việt Nam.

Với mục tiêu lấy sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm của hoạt động kinh doanh, VAB liên tục hoàn thiện cơ chế hoạt động, đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên toàn hệ thống nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng. VAB luôn nỗ lực để khẳng định vị trí là ngân hàng uy tín cao trên thị trường, cùng với chất lượng dịch vụ tốt và mặt bằng lãi suất hấp dẫn, qua đó cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng tốt, an toàn và linh hoạt.

Hiện nay, VAB đang triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ ưu đãi như: Tài khoản ký quỹ dành cho các doanh nghiệp, Gói cho vay ưu đãi 1.000 tỷ đồng, Chương trình gắn kết phát triển dành cho Hội viên Hội Doanh Nhân Trẻ Việt Nam,... Đặc biệt, VAB luôn nỗ lực hoàn thiện và phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử nhằm tiện lợi hóa giao dịch khách hàng với mức độ an toàn và bảo mật cao nhất.

Trong các năm qua, VAB đã nhận được những giải thưởng uy tín như: Giải thưởng "Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam" do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam vinh danh và Giải thưởng “Doanh nghiệp phát triển bền vững” do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam & Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức – Châu Âu) trao tặng ... VAB sẽ không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm - dịch vụ, hệ thống ngân hàng điện tử, chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng để nâng tầm thương hiệu trở thành một doanh nghiệp Việt Nam phát triển vững mạnh trong thị trường tài chính.

Những danh hiệu trên là kết quả ghi nhận sự cố gắng không ngừng nghỉ của tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên ngân hàng trong suốt thời gian qua, nhằm mang đến khách hàng những sản phẩm, dịch vụ tiện ích và chất lượng. Sự yêu mến, tin tưởng và lựa chọn của quý khách hàng là động lực để VAB tiếp tục hoàn thiện cơ chế hoạt động. Mục tiêu của VAB trong thời gian tới là tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động, tăng cường năng lực tài chính, nâng cao uy tín trên thị trường dựa trên việc chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của Nhà nước nói chung và quy chế ngành nói riêng.

**Trải qua 18 năm hình thành và phát triển, Ngân hàng TMCP Việt Á đã đạt được một số thành tựu như sau:**



**Bảng 1: Các giải thưởng và thành tựu đạt được**

Thời gian	Chi tiết
2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ "Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2012" do Báo đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn.</li> <li>▪ "Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2012" do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng.</li> <li>▪ Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giải "Sao Vàng Đất Việt" do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam bình chọn.</li> <li>▪ "Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2013" do Báo đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn.</li> <li>▪ "Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2013" do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng.</li> </ul>
2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.</li> <li>▪ Giải thưởng "Doanh nghiệp phát triển bền vững" do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức – Châu Âu) chứng nhận.</li> <li>▪ Trao thưởng 1 trong 20 đơn vị chấp hành tốt Quy chế hoạt động thông tin tín dụng của NHNN.</li> </ul>
2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đạt chỉ số tín nhiệm "Doanh nghiệp phát triển bền vững – Sustainable Development Business 2014" do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức – Châu Âu) chứng nhận.</li> <li>▪ "Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2014" do Báo đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn.</li> <li>▪ "Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2014" do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng.</li> <li>▪ "Ngân hàng điện tử được yêu thích – My Ebank" do Báo điện tử VNExpress tổ chức trao giải.</li> <li>▪ "Doanh Nghiệp Xuất Sắc nhất năm 2014" dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của VietNam Report.</li> <li>▪ "Thương hiệu Vàng Việt Nam năm 2014" do Liên hiệp các hội Khoa học &amp; Kỹ thuật Việt Nam, Hội tiêu chuẩn và Bảo vệ Người tiêu dùng Việt Nam phối hợp cùng Báo Người Tiêu Dùng tiến hành khảo sát và bình chọn.</li> <li>▪ "Thương hiệu nổi tiếng trong Hội nhập kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương" do sự bảo trợ của Cục Xúc Tiến Thương Mại – Bộ Công Thương, Trung tâm Empretec Việt Nam – Trung tâm đầu tiên tại Châu Á trong chương trình quản lý của Tổ chức Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát</li> </ul>

Thời gian	Chi tiết
	<p>triển (UNCTAD), VCCI, Trung tâm Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương phối hợp tổ chức và trao giải.</p>
2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giải “Sao Vàng Đất Việt” do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam bình chọn.</li> <li>▪ Đạt chỉ số tín nhiệm “Doanh nghiệp phát triển bền vững – Sustainable Development Business 2015” do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức – Châu Âu) chứng nhận.</li> <li>▪ “Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2015” do Báo đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn.</li> <li>▪ “Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2015” do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng.</li> <li>▪ Giải thưởng “Thương hiệu vì cộng đồng”.</li> </ul>
2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đạt chỉ số tín nhiệm “Doanh nghiệp phát triển bền vững - Sustainable Development Business 2016” do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức - Châu Âu) chứng nhận.</li> <li>▪ Giải thưởng “Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam” do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam vinh danh.</li> <li>▪ Giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2016” do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Cục xúc tiến thương mại (Bộ Công thương) bình chọn và trao thưởng.</li> </ul>
2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giải thưởng “Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VietNam Report) và báo điện tử Vietnamnet bình chọn.</li> <li>▪ Giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2017” do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Cục xúc tiến thương mại (Bộ Công thương) trao tặng.</li> <li>▪ Giải thưởng “Top 10 Thương hiệu tín nhiệm” do Viện chất lượng Việt Nam kết hợp cùng Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm phát triển tài sản trí tuệ - Cục sở hữu trí tuệ trao tặng.</li> </ul>
2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giải thưởng “Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2018” do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VietNam Report) và báo điện tử Vietnamnet bình chọn.</li> <li>▪ Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> <li>▪ Giải thưởng “Ngân hàng Phát triển bền vững nhất Việt Nam 2018” (Best Bank for Sustainable Development Vietnam 2018) do tạp chí Global Banking and Finance Review (Vương quốc Anh) bình chọn và trao tặng.</li> </ul>



Thời gian	Chi tiết
2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Danh hiệu Sao Khuê do Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam trao tặng.</li> <li>▪ Giải thưởng "Ngân hàng Phát triển bền vững nhất Việt Nam 2019" (Best Bank for Sustainable Development Vietnam 2019) do tạp chí Global Banking and Finance Review (Vương quốc Anh) bình chọn và trao tặng.</li> <li>▪ Giải thưởng Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất (Best Savings Bank) do Global Business Outlook (Vương quốc Anh) bình chọn.</li> <li>▪ Chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp, Top 10 Doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế năm 2018 do Trung tâm thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp trao tặng.</li> <li>▪ Top 100 Sản phẩm – Dịch vụ được Tin &amp; Dùng do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng.</li> </ul>

Nguồn: VAB

- Ngày công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: 22/06/2007
- Thông tin cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng, bao gồm:
  - + Số lượng cổ đông không phải cổ đông lớn: 1.443 cổ đông
  - + Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 335.236 (tương ứng tỷ lệ 67%).

#### 1.4. Quá trình tăng vốn của Ngân hàng

Kể từ khi thành lập, Ngân hàng đã trải qua 18 lần tăng vốn. Cụ thể:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Vốn điều lệ trước khi tăng	Vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Năm 2003	75.729.000	0	75.729.000	Vốn góp thành lập cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép hoạt động s 12/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước VN cấp ngày 9/5/2003</li> <li>- Đăng ký kinh doanh s 4103001665 lần đầu ngày 19/06/2003</li> </ul>



Lần 1 Năm 2003	75.729.000	39.709.000	115.438.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 1141/NHNN-HCM.02 ngày 2/12/2003 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN TP.HCM về việc chấp thuận cho Ngân hàng TMCP Việt Á thay đổi mức vốn điều lệ từ 75,729 tỷ đồng lên 150,729 tỷ đồng.</li> <li>- Công văn số 037/NHNN-HCM.02 ngày 07/01/2004 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN TP.HCM về việc Ngân hàng TMCP Việt Á xin gia hạn thời gian thay đổi mức vốn điều lệ</li> </ul>
Lần 2 Năm 2004	115.438.000	17.807.000	133.245.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký kinh doanh số 4103001665 thay đổi lần 3 ngày 25/12/2003 (mức vốn 115,438 tỷ đồng)</li> <li>- Đăng ký kinh doanh số 4103001665 thay đổi lần 4 ngày 20/05/2004 (mức vốn 133,245 tỷ đồng)</li> </ul>
Lần 3 Năm 2004	133.245.000	57.194.000	190.439.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 953/NHNN-HCM.02 ngày 18/06/2004 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN TP.HCM về việc chấp thuận cho Ngân hàng TMCP Việt Á thay đổi mức vốn điều lệ từ 133,245 tỷ đồng lên 200,245 tỷ đồng.</li> <li>- Công văn số 1713/NHNN-HCM.02 ngày 20/10/2004 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN TP.HCM về việc Ngân hàng</li> </ul>

					<p>TMCP Việt Á xin gia hạn thời gian thay đổi mức vốn điều lệ lên 200,245 tỷ đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký kinh doanh số 4103001665 thay đổi lần 5 ngày 09/12/2004 (mức vốn 190,439 tỷ đồng)</li> </ul>
Lần 4 Năm 2005	190.439.000	59.902.000	250.341.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 1486/NHNN-HCM.02 ngày 08/07/2005 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN TP.HCM về việc Ngân hàng TMCP Việt Á xin thay đổi mức vốn điều lệ lên 250,439 tỷ đồng.</li> <li>- Đăng ký kinh doanh số 4103001665 thay đổi lần 7 ngày 13/12/2004 (mức vốn 250,341 tỷ đồng)</li> </ul>
Lần 5 Năm 2006	250.341.000	70.011.000	320.352.000		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 749/NHNN-HCM.02 ngày 08/07/2005 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN TP.HCM về việc Ngân hàng TMCP Việt Á xin thay đổi mức vốn điều lệ lên 500,341 tỷ đồng.</li> </ul>
Lần 6 Năm 2006	320.352.000	91.278.000	411.630.000		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký kinh doanh số 4103001665 thay đổi lần 8 ngày 10/08/2006 (mức vốn 320,352 tỷ đồng)</li> </ul>
Lần 7 Năm 2006	411.630.000	88.700.000	500.330.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành cho Cổ đông hiện hữu: 232,313 tỷ đồng</li> <li>- Phát hành Từ nguồn vốn CSH (Quỹ dự trữ bổ sung VDL) 17,687 tỷ đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký kinh doanh số 4103001665 thay đổi lần 9 ngày 27/09/2006 (mức vốn 411,630 tỷ đồng)</li> <li>- Đăng ký kinh doanh số 4103001665 thay đổi</li> </ul>

					lần 10 ngày 27/12/2006 (mức vốn 500,330 tỷ đồng)
Lần 8 Năm 2007	500.330.000	249.670.000	750.000.000	- Phát hành Từ nguồn vốn CSH (Quỹ dự trữ bổ sung VDL: 4.412.284.206 đồng và Thặng dư vốn cổ phần năm 2006: 190.792.715.794 đồng) - Phát hành cho Cổ đông hiện hữu: 304,465 tỷ đồng - Phát hành cho Đối tác chiến lược trong nước: 125 tỷ đồng.	- Công văn số 1001/NHNN-HCM.02 ngày 09/07/2007 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN TP.HCM về việc thay đổi vốn điều lệ từ 500,330 tỷ đồng lên 1.125 tỷ đồng của Ngân hàng TMCP Việt Á. - Công văn số 1208/UBCK-QLPH không phản đối về nguyên tắc việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 198/UBCK-GCN. - Đăng ký kinh doanh số 4103001665 thay đổi lần 11 ngày 28/11/2007 (mức vốn 750 tỷ đồng) - Đăng ký kinh doanh số 4103001665 thay đổi lần 12 ngày 31/12/2007 (mức vốn 1.000 tỷ đồng)
Lần 9 Năm 2007	750.000.000	250.000.000	1.000.000.000		
Lần 10 Năm 2008	1.000.000.000	104.834.860	1.104.834.860	Phát hành Từ nguồn vốn CSH bao gồm: - Phát hành từ Nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2007: 104,834,860 đồng. - Phát hành từ Thặng dư vốn cổ	- Công văn số 1051/NHNN-HCM.02 ngày 26/06/2008 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN TP.HCM về việc thay đổi vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 1.354.834.860.000 đồng của Ngân hàng TMCP Việt Á.
Lần 11 Năm 2008	1.104.834.860	255.000.000	1.359.834.860		



				<p>phần năm 2007: 250 tỷ đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành từ Quỹ thặng dư vốn cổ phần năm 2006 để thưởng cho CBNV: 5 tỷ đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 10069/NHNN-CNH ngày 13/11/2008 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận cho Việt Á tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần năm 2006.</li> <li>- Công văn số 2079/NHNN-HCM.02 ngày 18/11/2008 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN TP.HCM về việc Ngân hàng Việt Á tăng VDL từ 1.354.834.860.000 đồng lên 1.359.834.860.000 đồng</li> <li>- Đăng ký kinh doanh số 4103001665 thay đổi lần 13 ngày 15/11/2008 (mức vốn 1.104.834.860.000 đồng)</li> <li>- Đăng ký kinh doanh số 4103001665 thay đổi lần 14 ngày 31/12/2008 (mức vốn 1.359.834.860.000 đồng)</li> </ul>
Lần 12 Năm 2009	1.359.834.860	155.502.050	1.515.336.910		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 số 40D/2009/NQ ĐHCĐ ngày 14/03/2009</li> </ul>
Lần 13 Năm 2010	1.515.336.910	116.464.920	1.631.801.830	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 243/NHNN-HCM.08 ngày 29/01/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN TP.HCM về việc gia hạn thời gian thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng Việt Á.</li> <li>- Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công</li> </ul>

					<p>chứng số 445/UBCK-GCN ngày 3/11/2009</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký kinh doanh số 0302963695 thay đổi lần 15 ngày 11/12/2009 (mức vốn 1.515.336.910.000 đồng)</li> <li>- Đăng ký kinh doanh số 0302963695 thay đổi lần 16 ngày 03/02/2010 (mức vốn 1.631.801.830.000 đồng)</li> </ul>
Lần 14 Năm 2010	1.631.801.830	455.793.170	2.087.595.000		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 5531/NHNN-TTGSNH ngày 26/7/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ năm 2010 của Ngân hàng TMCP Việt Á</li> <li>- Đăng ký kinh doanh số 0302963695 thay đổi lần 17 ngày 01/11/2010 (mức vốn 2.087.595.000.000 đồng)</li> <li>- Đăng ký kinh doanh số 0302963695 thay đổi lần 18 ngày 29/12/2010 (mức vốn 2.936.893.200.000 đồng)</li> </ul>
Lần 15 Năm 2010	2.087.595.000	849.298.200	2.936.893.200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành Từ nguồn vốn CSH (Lợi nhuận chưa phân phối năm 2009);</li> <li>- Phát hành cho Cổ đông hiện hữu</li> <li>- Phát hành Riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược</li> </ul>	
Lần 16 Năm 2011	2.936.893.200	161.106.800	3.098.000.000	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 2922/QĐ-NHNN ngày 06/12/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thời hạn chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng Thương Mại cổ phần Việt Á</li> <li>- Quyết định số 296/QĐ-NHNN ngày 17/02/2012 của Ngân</li> </ul>



					<p>hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi vốn điều lệ ghi trong Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký kinh doanh số 0302963695 thay đổi lần 19 ngày 28/02/2011</li> <li>- Nghị quyết số 077A/NQ-ĐHĐCĐ/14 ngày 25/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng.</li> <li>- Nghị quyết số 046/NQ-HĐQT/15 ngày 01/04/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng</li> <li>- Nghị quyết số 076/NQ-HĐQT/15 ngày 21/04/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng</li> <li>- Nghị quyết số 76/2/NQ-HĐQT/15 ngày 21/04/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng.</li> <li>- 3423/NHNN-TTGSNH ngày 19/05/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc VAI tăng vốn từ 3.098 tỷ đồng lên 3.500 tỷ đồng</li> <li>- Công văn số 8003/UBCK-QLPH ngày 28/12/2015 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành chứng phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn ch</li> </ul>
Lần 17 Năm 2015	3.098.000.000	401.990.470	3.499.990.470	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn vốn CSH (Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ Dự trữ bổ sung VDL)</li> <li>- Đối tác chiến lược.</li> </ul>	

					<p>sở hữu và chào bán cổ phần riêng lẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 061/CV-HĐQT/15 ngày 18/12/2015 của Ngân hàng</li> <li>- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 5960/CV-VAB/15 ngày 24/12/2015 của Ngân hàng.</li> <li>- 333/QĐ-NHNN ngày 01/03/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương Mại cổ phần Việt Á</li> <li>- Đăng ký kinh doanh số 0302963695 thay đổi lần 25 ngày 28/02/2017</li> <li>- Nghị quyết số 42/NQ-ĐHĐCĐ/19 ngày 26/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng.</li> <li>- Nghị quyết số 027/NQ-HĐQT/20 ngày 10/02/2020 của Hội đồng quản trị Ngân hàng</li> <li>- Nghị quyết số 076/NQ-HĐQT/15 ngày 21/04/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng</li> <li>- Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT/20 ngày 10/02/2020 của Hội đồng quản trị Ngân hàng.</li> </ul>
Lần 18 Năm 2020	3.499.990.470		4.449.635.670.000	Cổ đông hiện hữu	



					<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10088/NHNN-TTGSNH ngày 25/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của VAB.</li> <li>- Giấy chứng nhận số 45/GCN-UBCK ngày 26/03/2020 chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho VAB.</li> <li>- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 311/2020/BC-VAB ngày 27/11/2020 của Ngân hàng</li> <li>- Công văn số 7191/UBCK-QLCB ngày 07/12/2020 về việc điều chỉnh kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của VietABank.</li> <li>- Quyết định số 949/QĐ-NHNN ngày 02/06/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á</li> <li>- Đăng ký kinh doanh số 0302963695 thay đổi lần 28 ngày 16/06/2021</li> </ul>
--	--	--	--	--	--

Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Á

(\*) Do sơ suất trong quá trình lưu trữ nên một số hồ sơ liên quan đến tăng vốn của Ngân hàng bị thất lạc. Tuy nhiên, việc tăng vốn của VietABank luôn thực hiện đúng quy định của pháp luật và đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép. VietABank cam kết thông tin trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm về các thông tin trên.

## 2. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Việt Á được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp và Luật Các Tổ chức Tín dụng. Các hoạt động của VAB tuân thủ Luật Doanh nghiệp, luật các Tổ chức Tín Dụng và Điều lệ VAB đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng như sau:

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP Việt Á



### ❖ Thông tin về công ty con:

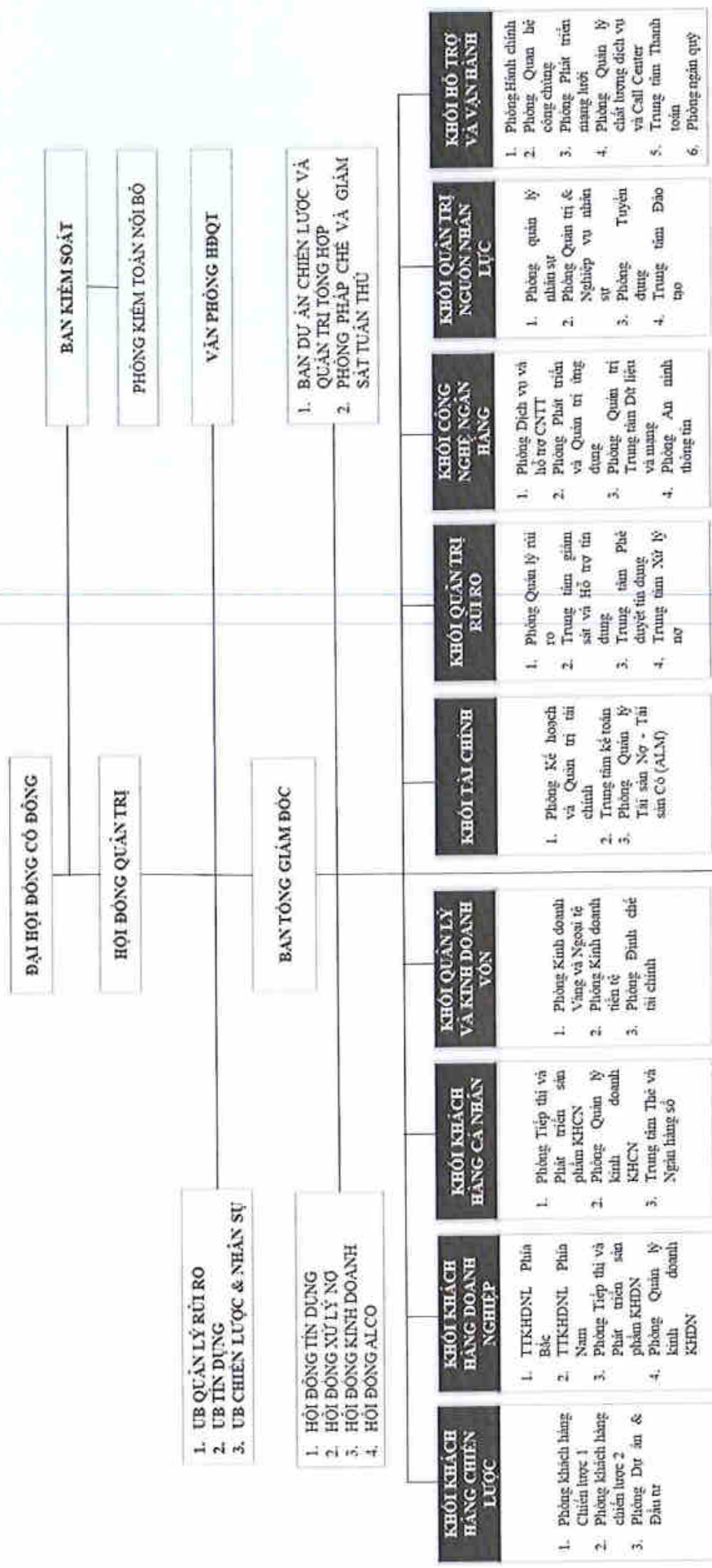
- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Việt Á
- Trụ sở: Tầng 2, 119-121 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Giấy phép hoạt động: Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 0310540710 được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 03/01/2019
- Ngành nghề kinh doanh: Nắm giữ tài sản; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; xây dựng nhà các loại
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VAB: 100%



3. Cơ cấu quản lý của công ty

3.1. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH

### 3.2. Diễn giải sơ đồ bộ máy quản lý của Ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình quản lý của công ty cổ phần, gồm:

#### ❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của VAB, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên, Đại hội Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

#### ❖ Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị VAB gồm 06 thành viên.

#### ❖ Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành VAB, thực trạng tài chính VAB và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát VAB gồm 03 thành viên.

#### ❖ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của VAB theo Điều lệ của VAB. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT.

Ban Tổng Giám đốc có các hội đồng là Hội đồng Tín dụng, Hội đồng ALCO, Hội đồng xử lý nợ và Hội đồng Kinh doanh.

#### ❖ Các khối chức năng tại Hội sở chính

Hội sở chính của VAB được tổ chức theo 09 khối chức năng bao gồm:

##### × Khối Khách hàng chiến lược

Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và định hướng phát triển kinh doanh mảng huy động vốn và cung ứng dịch vụ ngân hàng đối với phân khúc khách hàng chiến lược (KHCL). Trực tiếp phát triển kinh doanh các sản phẩm huy động vốn, cung ứng sản phẩm ngân hàng, quản lý dòng tiền đối với phân khúc khách hàng chiến lược. Không chỉ vậy Khối KHCL còn là nơi xây dựng chính sách, sản phẩm, quy trình, chính sách sản phẩm huy động, quản lý dòng tiền phục vụ phân khúc KHCL.

##### × Khối Khách hàng doanh nghiệp

Chịu trách nhiệm duy trì và phát triển quan hệ của ngân hàng với các khách hàng là tổ chức. Cụ thể, khối này có trách nhiệm giới thiệu các sản phẩm tới khách hàng doanh nghiệp, tổ chức tín dụng,



công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản ký quỹ...; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý khả năng sinh lợi của các sản phẩm này.

**\* Khối Khách hàng cá nhân**

Chịu trách nhiệm đối với hoạt động marketing, phát triển và kinh doanh các sản phẩm được chuẩn hóa cho khách hàng cá nhân.

**\* Khối Quản lý và kinh doanh vốn**

Chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện giao dịch kinh doanh vốn, phục vụ yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Tài sản Nợ - có cho Sở Ngân hàng. Bên cạnh đó còn là nơi tiếp thị và trực tiếp giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn và tiền tệ với khách hàng và đơn vị kinh doanh trong nội bộ ngân hàng nhằm mục tiêu sinh lời và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

**\* Khối Tài chính**

Phụ trách thông tin về tài chính kế toán của ngân hàng và công ty con, truyền tải thông tin quản lý về bộ phận kế toán Trụ sở chính và kế toán chung; quản lý tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm phân tích tài chính và giám sát.

**\* Khối Quản trị rủi ro**

Chịu trách nhiệm kiểm soát các hoạt động tín dụng và các rủi ro khác mà ngân hàng có thể gặp phải. Khối này thực hiện kiểm tra các hoạt động kinh doanh tiềm năng được các khối kinh doanh khác đề xuất.

**\* Khối Công nghệ ngân hàng**

Chịu trách nhiệm phát triển các sản phẩm ngân hàng số hiện đại và quản lý hoạt động công nghệ thông tin của ngân hàng.

**\* Khối Quản trị nguồn nhân lực**

Chịu trách nhiệm tuyển chọn đào tạo bồi dưỡng sử dụng kích thích phát triển nguồn nhân lực, khối này thu hút con người gắn kết với công việc được giao phó cũng như vào các mối quan hệ qua lại giữa người với người vì mục tiêu của tổ chức.

**\* Khối Hỗ trợ và vận hành**

Thực hiện hỗ trợ và vận hành các hoạt động kinh doanh nói chung và tổng thể của ngân hàng.

#### 4. Cơ cấu cổ đông

##### 4.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 25/06/2021

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 25/06/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước, nước ngoài</b>	<b>1.913</b>	<b>444.963.567</b>	<b>100</b>
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>1.913</b>	<b>444.963.567</b>	<b>100</b>
1.1	Nhà nước	2	16.624.979	3,74
1.2	Tổ chức	32	143.115.734	32,16
1.3	Cá nhân	1.879	285.222.854	64,10
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.913</b>	<b>444.963.567</b>	<b>100</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông lớn, cổ đông khác</b>	<b>1.913</b>	<b>444.963.567</b>	<b>100</b>
1	Cổ đông lớn	2	87.003.546	19,55
2	Cổ đông khác	1.911	357.960.021	80,45
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.913</b>	<b>444.963.567</b>	<b>100</b>

Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 25/06/2021 của VAB

##### 4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của VAB

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của VABsa tại thời điểm 25/06/2021

STT	Tên cổ đông và những người có liên quan	Địa chỉ	Số ĐKKD/CMND	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty cổ phần Rạng Đông	J45 Tôn Đức Thắng, TP. Phân Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Giấy ĐKKD số 3400181691 cấp ngày 06/09/2007 tại Sở KHĐT tỉnh	32.686.998	7,35



			Bình Thuận		
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương	22 Tổng Duy Tân, P. Hàng Bông, Q. Hoàn Kiếm, HN	Giấy ĐKKD số 0103016068 cấp ngày 07/03/2007 tại Sở KHĐT Hà Nội	54.316.548	12,21
	<b>Tổng cộng</b>			<b>87.003.546</b>	<b>19,55</b>

*Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 25/06/2021 của VAB*

#### **4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

Ngân hàng TMCP Việt Á (trên cơ sở là hợp nhất hai tổ chức tài chính đã hoạt động lâu năm trên thị trường tiền tệ, tài chính Việt Nam: Công ty Tài chính cổ phần Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đà Nẵng), chính thức hoạt động vào ngày 04/07/2003. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

#### **5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng, những công ty mà Ngân hàng đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với Ngân hàng.**

##### **5.1. Công ty mẹ của Ngân hàng**

Không có.

##### **5.2. Công ty con của Ngân hàng**

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân Hàng TMCP Việt Á

Địa chỉ: Tầng 2, 119-121 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3915 1040

Giấy phép hoạt động số 2764/QĐ-NHNN ngày 18/11/2010

Vốn điều lệ đăng ký: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động công ty nắm giữ tài sản

Tỷ lệ góp vốn của VAB tại AMC VAB: 100%

##### **5.3. Những công ty mà Ngân hàng đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có

##### **5.4. Công ty liên kết của Ngân hàng**

Không có

#### 5.5. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với Ngân hàng

Không có.

### 6. Hoạt động kinh doanh

#### 6.1. Hoạt động kinh doanh chính của ngân hàng

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á thuộc loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và chịu sự quản lý trực tiếp của NHNN. Cũng như các ngân hàng thương mại khác, VAB đã và đang kinh doanh các nghiệp vụ huy động vốn, dịch vụ cho vay, hoạt động đầu tư và các dịch vụ khác dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại và hiệu quả. Cụ thể, các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng như sau:

##### 6.1.1. Hoạt động huy động vốn

Hoạt động huy động vốn luôn được xem là hoạt động cốt lõi của ngân hàng thương mại. Hoạt động huy động vốn của VAB có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống.

Các sản phẩm huy động vốn của VAB được xây dựng đa dạng và linh hoạt với các kỳ hạn, lãi suất và hình thức huy động khác nhau nhằm đem đến sự lựa chọn tối ưu cho khách hàng. Các sản phẩm huy động vốn của VAB được phân loại theo các đối tượng khách hàng cụ thể như sau:

#### ❖ Sản phẩm dùng cho khách hàng doanh nghiệp



Tài khoản ký quỹ là sản phẩm đáp ứng nhu cầu cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện và phải mở tài khoản ký quỹ để hoàn chỉnh sơ/thủ tục thành lập doanh nghiệp hoặc đảm bảo duy trì kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật. Các tiện ích:



Nhằm gia tăng lợi ích cho Quý Doanh nghiệp có nhu cầu giao dịch thường xuyên, Ngân hàng Việt Á triển khai sản phẩm Gói Tài khoản thanh toán V-Flex với nhiều ưu đãi vượt trội. Các tiện ích của tài khoản V-Flex

- Miễn phí chuyển khoản và phí thanh toán quốc tế.



- Lãi suất hấp dẫn, được sử dụng tiền lãi phát sinh trên số tiền ký quỹ.
- Thủ tục đơn giản – thời gian xử lý nhanh chóng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng
- Được tư vấn bởi đội ngũ nhân viên nhiệt

- Miễn phí thường niên, phí dịch vụ ngân hàng điện tử và SMS Banking
- Truy vấn thông tin dễ dàng thông qua Internet Banking, Mobile Banking.
- Hưởng ưu đãi cho các dịch vụ thu hộ tiền mặt và Chi hộ lương

## TÀI KHOẢN TIẾT KIỆM



VAB cung cấp sản phẩm “Tiền gửi có kỳ hạn” với lãi suất hấp dẫn tương ứng với từng kỳ hạn nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lời tối đa cho doanh nghiệp. Các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm của doanh nghiệp bao gồm:

- **Tiền gửi đầu tư tự động SMART DEPOSIT:** thuận, VAB sẽ tự động chuyển số dư tròn số từ tài khoản tiền gửi thanh toán vào tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Khách hàng
- **Tiền gửi lẻ ngày:** tối thiểu là 31 ngày, tối đa 455 ngày
- **Tiền gửi đa kỳ hạn N – IN – ONE:** nhiều khoản tiền ứng với nhiều kỳ hạn lựa chọn do khách hàng tự xác định trong một kỳ hạn gốc vào một Hợp đồng tiền gửi duy nhất.

### ❖ Sản phẩm dùng cho khách hàng cá nhân

- **Tiền gửi thanh toán**



## CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI

Từ ngày 13/06/2019, VAB triển khai chương trình Chứng chỉ tiền gửi “Gắn kết – Phát triển” cho Khách hàng doanh nghiệp. Chứng chỉ tiền gửi ghi danh này sẽ được áp dụng với loại tiền Việt Nam Đồng cùng các mức kỳ hạn 7, 13 và 18 tháng với mức lãi suất cao nhất lên tới 7,8%.

Đặc biệt, bên cạnh sở hữu chứng chỉ được tự do chuyển nhượng cho bên thứ 3 và có thể sử dụng chính chứng chỉ này làm tài sản cầm cố để vay vốn tại VAB với mức lãi suất ưu đãi bằng lãi suất mua CCTG + biên độ chỉ từ 0,5%/năm. VAB cam kết bảo mật thông tin cũng như hỗ trợ tối đa để mọi giao dịch liên quan được thực hiện nhanh chóng, chính xác và đúng hạn.

Với tiêu chí chỉ cần một sự lựa chọn sẽ đáp ứng mọi nhu cầu của Khách hàng. Gói tài khoản Combo là gói tài khoản thanh toán tích hợp Internet Banking, SMS Banking và Mobile Banking với các tiện ích vượt trội mà VAB muốn cung cấp đến Khách hàng.

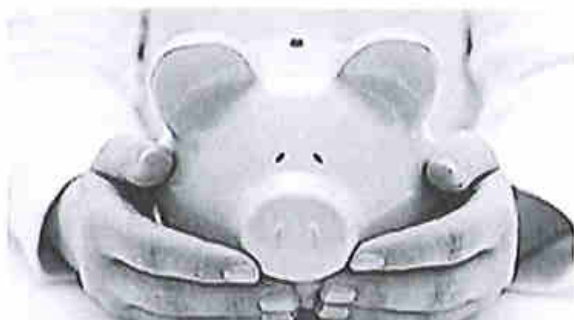
Tên gói	Bao gồm	Đối tượng
Combo 1	TKTT + Thẻ ATM hạng chuẩn + SMS Banking	Cơ bản/dành cho mọi KH, đặc biệt KH đứng tuổi/công nhân/người lao động/học sinh sinh viên...
Combo 2	TKTT+ Thẻ ATM hạng vàng + SMS Banking, IBanking, MBanking (hạn mức tiêu chuẩn)	KH ưa thích công nghệ, thích nhiều tiện ích ngân hàng điện tử/dân văn phòng/KH trẻ...
Combo 3	TKTT+ Thẻ ATM hạng vàng + SMS Banking, IBanking, MBanking (hạn mức nâng cao)	Hộ kinh doanh/tiểu thương...

#### Tiện ích:

- Miễn phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa;
- Miễn phí rút tiền tại ATM trên toàn quốc;
- Miễn phí nhận thông báo biến động số dư;
- Miễn phí quản lý tài khoản (nếu đạt số dư tối thiểu theo quy định);
- Miễn phí thường niên dịch vụ Ngân hàng Số (Combo 2, 3).
- Miễn phí chuyển tiền trong hệ thống VAB; đối với chuyển tiền ngoài hệ thống, mức phí ưu đãi chỉ từ 0.01%/giá trị giao dịch.

#### • Tiền gửi tiết kiệm

VAB gửi tiết kiệm hệ theo thống S Banking, IBanking, MBanking (hạn mức nâng cao) khách hàng trẻ như học sinh, sinh viên... Combo là gói tài khoản đem đến sự tiện lợi và lợi ích thiết thực đối với khách hàng. Các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm bao gồm:



#### TIẾT KIEM TRUYỀN THỐNG

Với sản phẩm tiết kiệm có kỳ hạn Khách hàng có thể chủ động chọn cho mình kỳ hạn

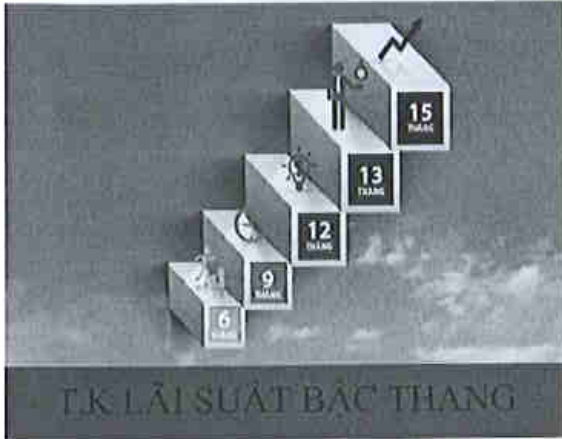


#### TIẾT KIEM ONLINE

Không cần phải tới Ngân hàng giao dịch mà khách hàng vẫn sở hữu được Sổ Tiết kiệm



gửi linh hoạt theo yêu cầu với mức lãi suất hấp dẫn. Số tiết kiệm được sử dụng làm tài sản đảm bảo để vay vốn ưu đãi tại Ngân hàng.



Là sản phẩm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với hình thức trả lãi định kỳ, theo đó khách hàng gửi tiền với cùng một kỳ hạn nhưng khoản tiền gửi càng lớn, khách hàng sẽ được hưởng lãi suất càng cao tương ứng theo số dư tiền gửi đó



Không chỉ là một lựa chọn giải pháp tài chính thiết thực nhất khi triển khai sản phẩm tiền gửi tích lũy Thần đồng dành cho con trẻ từ 1 – 15 tuổi, đây còn là một món quà thật sự ý nghĩa, dạy con bài học đầu tiên về quản lý tài chính cá nhân.

với lãi suất cao vượt trội. Chủ động quản lý các tài khoản tiết kiệm của mình mà không phải lo lắng các vấn đề an ninh bảo mật.



Bạn muốn lên kế hoạch tiết kiệm trong dài hạn với lãi suất cao nhưng lại e ngại những nhu cầu tài chính đột xuất sẽ phá hỏng kế hoạch. Sản phẩm Tiết kiệm năng động của VAB có thể giúp bạn giải quyết lo lắng này một cách dễ dàng



Là sản phẩm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với hình thức trả lãi định kỳ, theo đó khách hàng gửi tiền với cùng một kỳ hạn nhưng khoản tiền gửi càng lớn, khách hàng sẽ được hưởng lãi suất càng cao tương ứng theo số dư tiền gửi đó



**TIẾT KIEM SIÊU NGẮN HẠN**

Sản phẩm “Tiết kiệm siêu ngắn hạn”: Được hiểu là VAB đưa ra sản phẩm với kỳ hạn ngắn từ 1 tuần, 2 tuần, 3 tuần với các mức lãi suất khác nhau dành cho tại quầy và ưu đãi lãi suất dành cho Khách hàng gửi online.



**CS TRI ÂN NGƯỜI CAO TUỔI**

Nhằm tri ân khách hàng trung cao tuổi, VAB ưu đãi lãi suất dành cho Khách hàng cá nhân từ 45 tuổi trở lên, Theo đó, khi gửi tiết kiệm truyền thống, ngoài lãi suất thông thường, khách hàng được tặng thêm mức lãi suất hấp dẫn do VAB quy định từng thời kỳ.

❖ **Kết quả hoạt động huy động vốn của VAB trong những năm qua**

VAB tiếp tục thực thi chính sách đa dạng hóa cơ cấu nguồn vốn, tăng cường huy động từ nhiều đối tượng khách hàng bao gồm cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính trong nước, tiếp cận các tổ chức tài chính nước ngoài... đẩy mạnh huy động thông qua phát hành giấy tờ có giá, củng cố nguồn vốn trung dài hạn, luôn đảm bảo và duy trì vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở tỷ lệ an toàn. Huy động tăng trưởng tốt trong các năm 2019, 2020. Năm 2019 tổng nguồn vốn huy động là 70.101 tỷ đồng, tăng 4.313 tỷ đồng (6,56%) so với năm 2018 và năm 2020 tổng nguồn vốn huy động 78.796 tỷ đồng, tăng 8.695 tỷ đồng (12,4%) so với năm 2019. Quý I/2021 tổng nguồn vốn huy động đạt 69.331 tỷ đồng.

**Bảng 4: Cơ cấu huy động vốn của VietABank trong giai đoạn 2019 – 31/03/2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

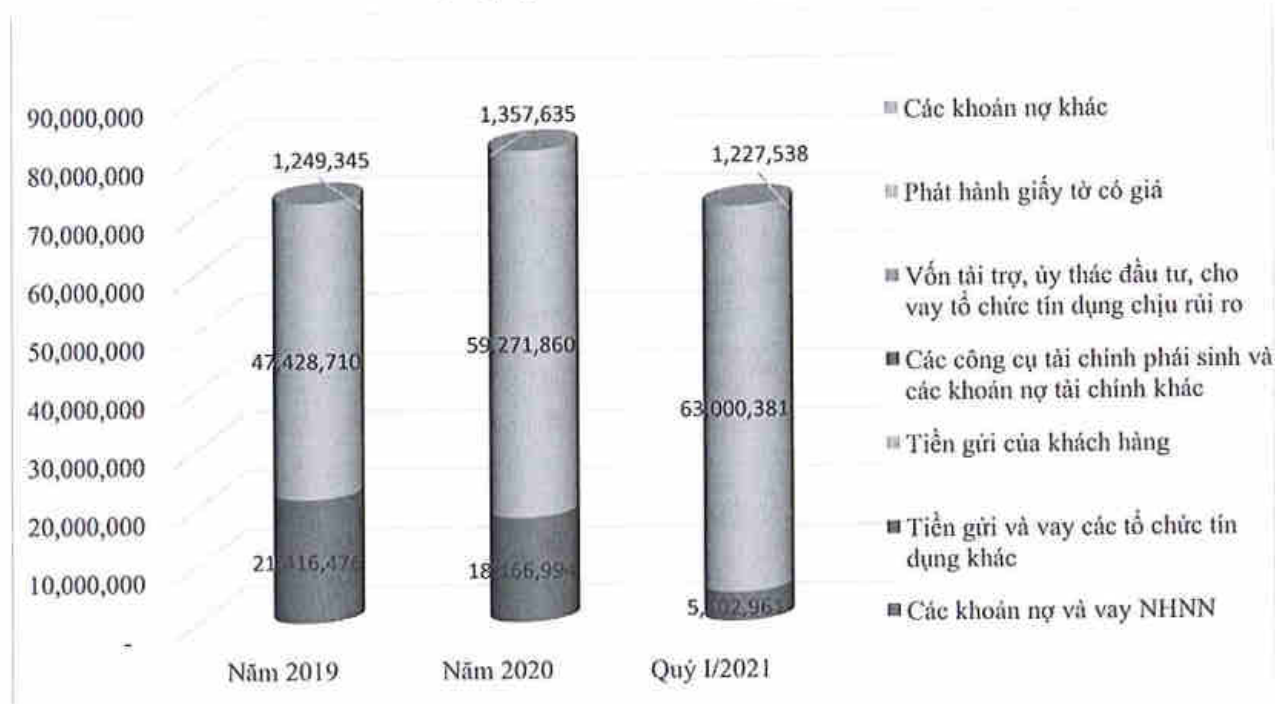
STT	Loại hình	31/12/2019		31/12/2020		31/03/2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Các khoản nợ và vay NHNN	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%



2	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	21.416.476	30,6%	18.166.994	23,1%	5.102.961	7,4%
3	Tiền gửi của khách hàng	47.428.710	67,7%	59.271.860	75,2%	63.000.381	90,9%
4	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	6.546	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
5	Phát hành giấy tờ có giá	1.249.345	1,8%	1.357.635	1,7%	1.227.538	1,8%
6	Các khoản nợ khác	1.903.420	2,6%	2.008.933	2,5%	1.846.561	2,6%
	<b>Tổng</b>	<b>72.004.497</b>	<b>100%</b>	<b>80.805.422</b>	<b>100%</b>	<b>71.177.441</b>	<b>100%</b>
	<i>Trong đó:</i>						
	- Khách hàng trong nước	72.004.497	100%	80.805.422	100%	71.177.441	100%
	- Khách hàng nước ngoài	0	0%	0	0%	0	0%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB

**Hình 1: Cơ cấu huy động vốn theo đối tượng khách hàng của VAB**

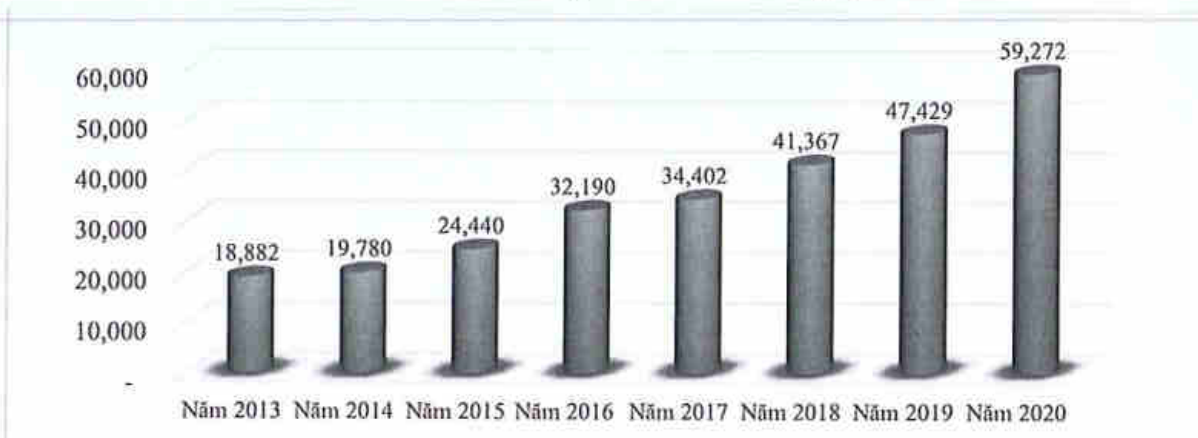


Trong cơ cấu huy động vốn của VAB, tiền gửi của khách hàng là nguồn huy động vốn lớn nhất và là nguồn huy động đem lại hiệu quả kinh tế cao cho các ngân hàng thương mại nói chung.

Trong giai đoạn 2013-2020, VAB có sự tăng trưởng ấn tượng trong việc huy động nguồn vốn tiền gửi từ các cá nhân và tổ chức kinh tế (ngoài tổ chức tín dụng), từ mức 18.882 tỷ đồng trong năm 2013 lên mức 59.272 tỷ đồng năm 2020, đạt tốc độ tăng trưởng trung bình 18,11%/năm. Tại thời điểm 31/12/2020, tỷ trọng dư nợ cá nhân và TCKT (không bao gồm TCTD) trên tổng nợ huy động đạt mức 75,2%, tăng 7,5% so với năm 2019 và tăng 12,3% so với năm 2018.

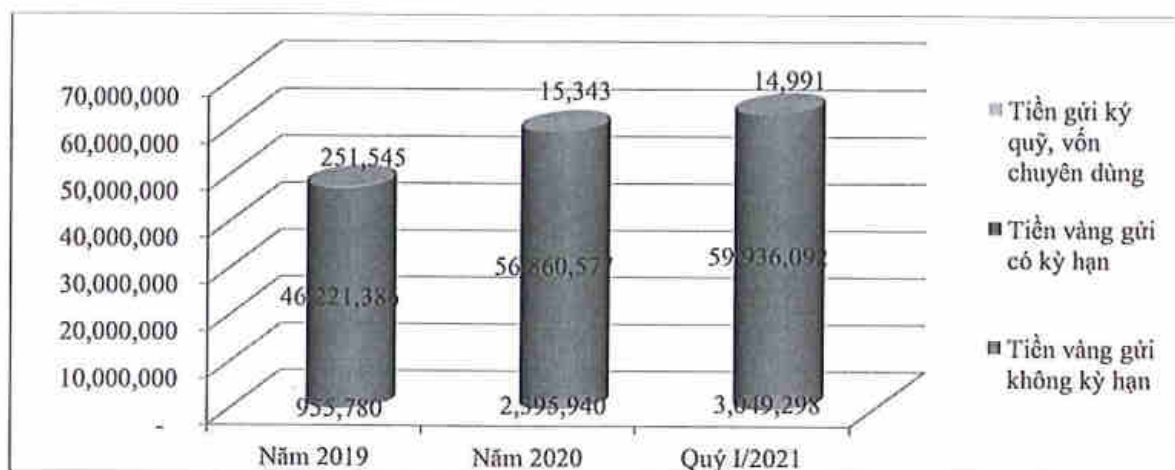
Để đạt được kết quả trên, VAB đã chủ động xây dựng các sản phẩm phù hợp, triển khai các chương trình trọng điểm cho từng khu vực và từng phân khúc khách hàng với lãi suất linh hoạt và mạng lưới rộng khắp cùng với cơ chế thi đua nội bộ, tăng cường lực lượng bán hàng và kỹ năng chăm sóc khách hàng nhằm gia tăng quy mô huy động ở các đơn vị.

Hình 2: Tình hình tiền gửi của khách hàng qua các năm



Nguồn: VAB

Hình 3: Tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn của VAB



Nguồn: VAB



### 6.1.2. Hoạt động tín dụng

VAB theo đuổi định hướng phát triển tín dụng an toàn và bền vững, đảm bảo hài hòa mục tiêu an toàn quản lý rủi ro và chất lượng tín dụng hiệu quả.

#### ❖ Sản phẩm dành cho khách hàng doanh nghiệp

Với cam kết luôn đồng hành cùng Quý Khách hàng Doanh nghiệp, VAB phát hành gói tín dụng “Đồng Hành – Phát Triển” tổng hạn mức 1000 tỷ với lãi suất vay chỉ từ 7,5%, đây là chương trình nhằm hỗ trợ các Doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn giá rẻ để bổ sung nguồn vốn lưu động phát triển kinh doanh và mở rộng quy mô sản xuất. Các gói sản phẩm tín dụng được VAB xây dựng đa dạng về lãi suất, kỳ hạn, hình thức vay và các phương thức đảm bảo khác nhau nhằm đáp ứng tốt nhất các nhu cầu vốn của khách hàng. Một số gói sản phẩm tín dụng của VAB bao gồm:



Đồng hành cùng doanh nghiệp, VAB triển khai các gói sản phẩm tài trợ dành riêng cho từng ngành hàng, với điều kiện linh hoạt và lãi suất ưu đãi phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của doanh nghiệp trong ngành. VAB xem xét nhận TSDB là hàng hóa và quyền phải thu từ các hợp đồng xuất khẩu. Đặc biệt VAB hiện đang cung cấp gói giải pháp tài chính cho các doanh nghiệp ngành gạo, theo đó tài trợ cho các doanh nghiệp từ khâu thu mua, dự trữ đến các khâu trước và sau giao hàng.



SMEFP III (Small & Medium Enterprise Finance Program) là sản phẩm cho vay vốn trung dài hạn ưu đãi dành cho khách hàng SME do VAB phối hợp với Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế ODA – NHNN và Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản thực hiện. Với sản phẩm này, VAB cam kết cung cấp giải pháp tài chính trung dài hạn ưu đãi nhất cho khách hàng để đầu tư mở rộng, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.



Tài trợ trung dài hạn là giải pháp tài chính hữu ích mà VAB hỗ trợ quý doanh nghiệp trong việc chủ động đầu tư mua sắm tài sản cố định hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh với mức chi phí hợp lý



Với sản phẩm “Cho vay mua Ô tô linh hoạt 12 giờ” của VAB, khách hàng doanh nghiệp có thêm nhiều lựa chọn trong việc mua sắm xe ô tô với TSBD linh hoạt, thời gian xử lý nhanh chóng chỉ sau 12 giờ làm việc

TÀI TRỢ VKD 12 THÁNG TRẢ  
GỐC LINH HOẠT



Sản phẩm Cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, với tiện ích nổi bật về phương thức trả nợ gốc linh hoạt, phù hợp với dòng tiền và tình hình kinh doanh thực tế của Doanh nghiệp

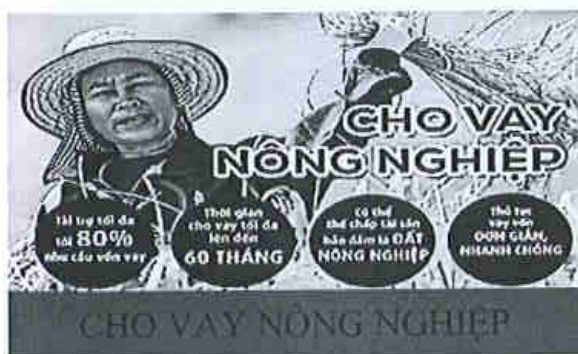
❖ Sản phẩm tín dụng dành cho cá nhân

Hiện nay VAB đang triển khai nhiều sản phẩm cho vay cá nhân đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng, sản xuất của các cá nhân, hộ gia đình và hộ kinh doanh cá thể. Các khoản vay đều được sử dụng đa dạng các loại tài sản đảm bảo, lãi suất linh hoạt, thời hạn vay có thể lên đến 30 năm, tỷ lệ tài trợ lên đến 80% nhu cầu vốn của khách hàng. Một số sản phẩm cho vay như sau:



Với sản phẩm truyền thống này, VAB hỗ trợ doanh nghiệp trong việc bổ sung nguồn vốn lưu động tạm thời thiếu hụt trong ngắn hạn với nhiều hình thức linh hoạt, giá cả cạnh tranh.

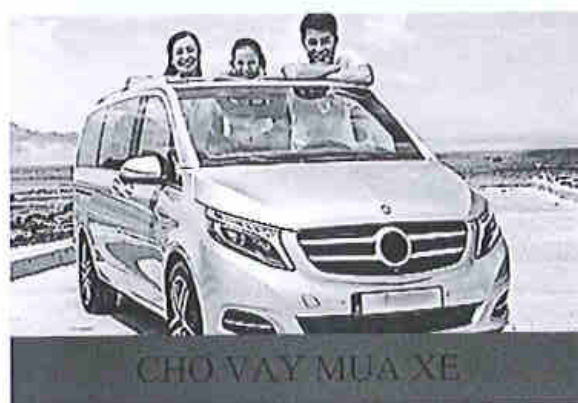




Cho vay nông nghiệp là sản phẩm cho vay tài trợ vốn dành cho cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp



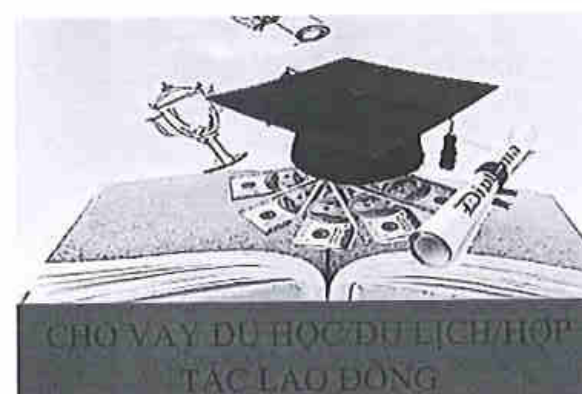
là sản phẩm tín dụng hỗ trợ nguồn vốn cho khách hàng cá nhân có nhu cầu mua nhà tại các dự án mà VAB có hợp đồng, hợp tác liên kết. Khoản vay đáp ứng tối đa 100% nhu cầu vốn với thời hạn vay linh hoạt đến 240 tháng (20 năm).



Là sản phẩm dành cho khách hàng đang có nhu cầu sở hữu chiếc xe cho công việc hoặc sử dụng cho gia đình. Khoản vay đáp ứng tối đa 100% nhu cầu vốn với thời hạn vay linh hoạt đến 84 tháng (7 năm).



Đáp ứng nhanh nhu cầu vay vốn tiêu dùng bao gồm: mua sắm trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ; thanh toán học phí, sinh hoạt phí; du lịch; khám chữa bệnh; tiêu dùng khác.



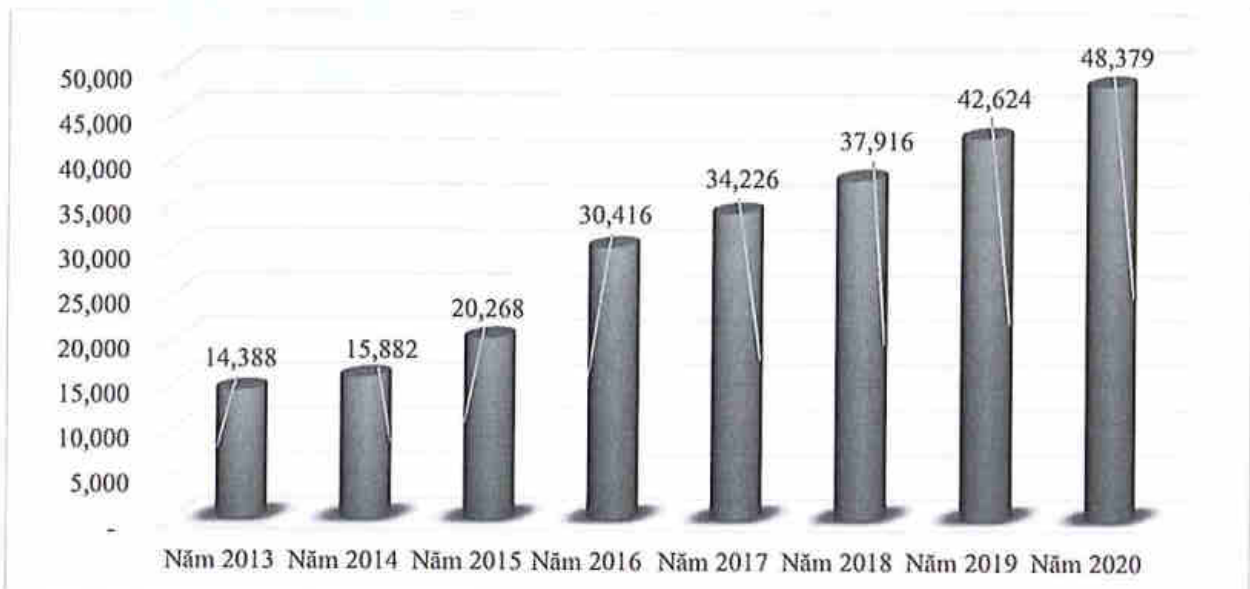
Đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh của cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh với mức cho vay lên đến 90% nhu cầu vốn, thời hạn vay tối đa 84 tháng (07 năm), phương thức vay từng lần hoặc cho vay hạn mức.

Hỗ trợ linh hoạt tất cả nhu cầu để chứng minh tài chính xét cấp visa và/ hoặc thanh toán chi phí du học, du lịch, hợp tác lao động nước ngoài. VAB đáp ứng tối đa 100% nhu cầu của khách hàng với thời hạn vay không quá 12 tháng đối với du học, không quá 6 tháng đối với du lịch, không quá 60 tháng (5 năm) đối với hợp tác lao động, đặc biệt với hạn mức tín dụng du học không quá 60 tháng (5 năm).

#### ❖ Kết quả hoạt động tín dụng của VAB

VAB theo đuổi định hướng phát triển tín dụng an toàn và bền vững. Tăng trưởng dư nợ đảm bảo hài hòa mục tiêu an toàn quản lý rủi ro và chất lượng tín dụng hiệu quả. Ngân hàng đã nỗ lực đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng vào 10 ngành nghề mục tiêu, giải ngân cho các khách hàng có định mức tín nhiệm tốt, đồng thời tăng cường công tác quản trị rủi ro và quản lý nợ sau giải ngân. Đến 31/12/2020, dư nợ tín dụng của VAB đạt 48.379 tỷ đồng, tăng 13,5% so với thời điểm cuối năm 2019. Tính trung bình tốc độ tăng trưởng bình quân của dư nợ cho vay khách hàng đạt 19,61% trong giai đoạn từ 2013 đến năm 2020.

Hình 4: Tình hình hoạt động tín dụng của VAB



Nguồn: VAB

#### Cơ cấu dư nợ tín dụng

Cơ cấu cho vay khách hàng tiếp tục có sự thay đổi tích cực theo định hướng đã đề ra. Tính đến hết 31/12/2020, cơ cấu cho vay khách hàng doanh nghiệp cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn duy



trì ở mức trên 85% cho cả hai nhóm khách hàng này cho giai đoạn từ năm 2015 năm 2020.

❖ **Dư nợ cho vay theo kỳ hạn**

Xét theo cơ cấu kỳ hạn, cho vay ngắn hạn tăng từ 58,9% (2019) lên 63,5% (2020), tỷ lệ dài hạn giảm từ 20% (2019) xuống 13,3% (2020).

Đến 31/03/2021, Cho vay ngắn hạn đạt 31.792.313 triệu đồng chiếm tỷ trọng 62,9%; Nợ dài hạn đạt 6.237.002 triệu đồng chiếm tỷ trọng 12,3% tổng dư nợ cho vay.

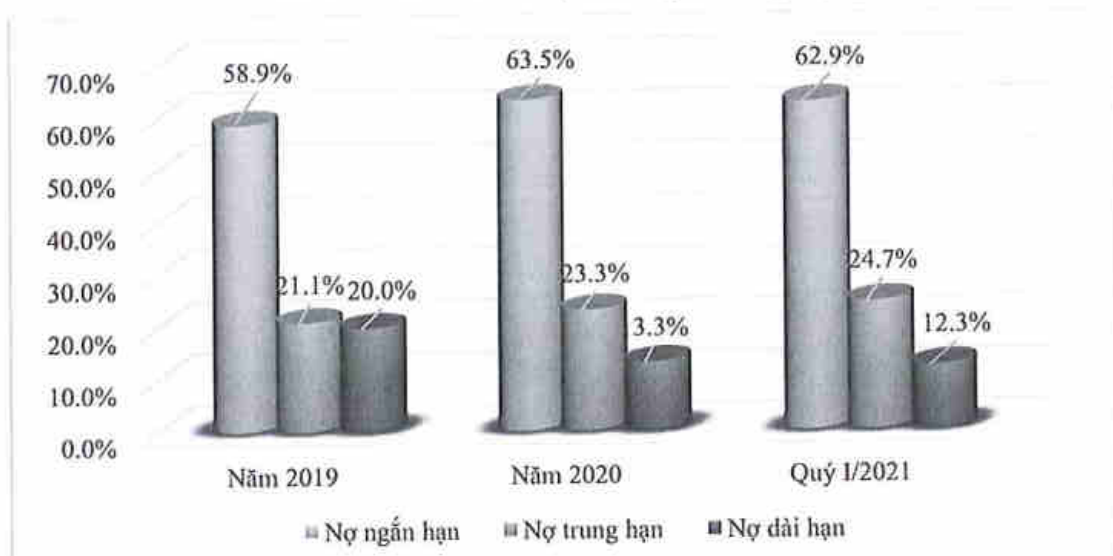
**Bảng 5: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn trong giai đoạn từ năm 2019 – 31/03/2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại hình	31/12/2019		31/12/2020		31/03/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng dư nợ cho vay</b>	<b>42.623.753</b>	<b>100%</b>	<b>48.378.544</b>	<b>100%</b>	<b>50.509.689</b>	<b>100%</b>
<i>Trong đó:</i>						
Nợ ngắn hạn	25.112.420	58,9%	30.705.516	63,5%	31.792.313	62,9%
Nợ trung hạn	8.987.729	21,1%	11.252.341	23,3%	12.480.374	24,7%
Nợ dài hạn	8.523.604	20,0%	6.420.687	13,3%	6.237.002	12,3%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB

**Hình 5: Cơ cấu dư nợ cho vay theo kỳ hạn**



Nguồn: VAB

❖ Dự nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh

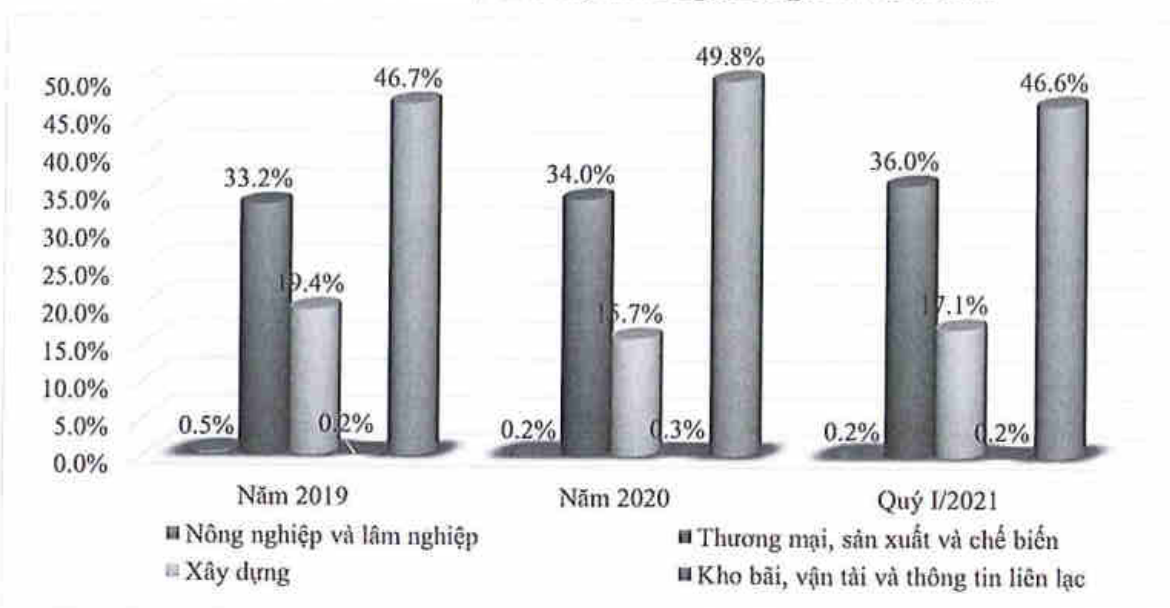
Bảng 6: Dự nợ cho vay theo lĩnh vực trong giai đoạn từ năm 2019 – 31/03/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại hình	31/12/2019		31/12/2020		31/03/2021	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Tổng dự nợ cho vay	42.623.754	100%	48.378.543	100%	50.509.688	100%
Trong đó:						
Nông nghiệp và lâm nghiệp	198.528	0,5%	74.104	0,2%	82.679	0,2%
Thương mại, sản xuất và chế biến	14.169.571	33,2%	16.470.538	34,0%	18.187.693	36,0%
Xây dựng	8.278.046	19,4%	7.588.858	15,7%	8.629.958	17,1%
Kho bãi, vận tải và thông tin liên lạc	92.713	0,2%	167.181	0,3%	83.457	0,2%
Cá nhân và các ngành nghề khác	19.884.895	46,7%	24.077.862	49,8%	23.525.901	46,6%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB

Hình 6: Cơ cấu dự nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh



Nguồn: VAB



### Chất lượng danh mục tín dụng

Ngân hàng luôn coi việc tăng trưởng và phát triển quy mô dư nợ tín dụng phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng tín dụng. Danh mục tín dụng của Ngân hàng luôn được kiểm soát chặt chẽ. Thực tế từ năm 2018 đến năm 2020, Ngân hàng đã duy trì được chất lượng danh mục tín dụng tương đối tốt, kiểm soát nợ xấu, luôn duy trì tỷ lệ nợ xấu (NPL) khoảng 1,2%.

#### ❖ Dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp

**Bảng 7: Dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp giai đoạn từ năm 2019 – Quý I/2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại hình	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng dư nợ cho vay</b>	<b>42.623.754</b>	<b>100%</b>	<b>48.378.543</b>	<b>100%</b>	<b>50.509.689</b>	<b>100%</b>
<i>Trong đó:</i>						
Công ty nhà nước	-	0,0%	-	0,0%	-	
Công ty TNHH	22.885.422	53,7%	28.133.950	58,2%	27.973.863	55,4%
Công ty cổ phần	15.885.515	37,3%	15.959.743	33,0%	17.027.403	33,7%
Cá nhân và khách hàng khác	3.852.816	9,0%	4.284.850	8,9%	5.508.423	10,9%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/ 2021 của VAB

**Hình 7: Cơ cấu dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp**



Nguồn: VAB

Khách hàng cho vay của VAB đều thuộc khối kinh tế tư nhân với các loại hình Công ty cổ phần, Công ty TNHH và các cá nhân.

❖ **Dư nợ cho vay theo nhóm nợ**

**Bảng 8: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng trong giai đoạn 2019 – 31/03/2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		31/03/2021	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	41.919.816	98,3%	46.238.094	95,6%	48.618.800	96,3%
Nợ cần chú ý	199.235	0,5%	1.028.608	2,1%	782.814	1,5%
Nợ dưới tiêu chuẩn	86.549	0,2%	148.559	0,3%	147.290	0,3%
Nợ nghi ngờ	46.653	0,1%	507.117	1,0%	508.214	1,0%
Nợ có khả năng mất vốn	371.501	0,9%	456.165	0,9%	452.570	0,9%
<b>Tổng dư nợ</b>	<b>42.623.754</b>	<b>100%</b>	<b>48.378.543</b>	<b>100%</b>	<b>50.509.689</b>	<b>100%</b>
<b>Tỷ lệ nợ xấu</b>	<b>1,18%</b>		<b>2,30%</b>		<b>2,19%</b>	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB

Chính sách của VAB luôn trích lập dự phòng ngay khi cần thiết trên cơ sở thận trọng và phù hợp với các quy định của NHNN. Các khoản dư nợ thuộc Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) luôn giữ vững ở mức 97% - 99% trong tổng dư nợ, đảm bảo an toàn rủi ro tín dụng theo các quy định của NHNN và quy định nội bộ của VAB. Các khoản nợ có chất lượng kém chỉ có tỷ trọng nhỏ (từ 0,1% đến 1,2% trong tổng dư nợ hàng năm).

Tăng trưởng tín dụng 2020 phải cạnh tranh mạnh mẽ về lãi suất với các Ngân hàng TMCP Nhà nước và các Ngân hàng quy mô lớn, đặc biệt là tín dụng ngắn hạn cho khách hàng có định mức tín nhiệm tốt.

VAB tiếp tục cơ cấu lại danh mục tín dụng theo ngành, khách hàng và hạn chế cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, tập trung vào những ngành nghề được khuyến khích như: đẩy mạnh cho vay các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tập trung cho vay một số ngành ưu tiên, công nghiệp phụ trợ, nông nghiệp, lâm nghiệp, bất động sản, y tế, dược..., cho vay các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty lớn sử dụng nhiều dịch vụ ngân hàng trong và ngoài nước.



VAB tập trung quản lý, nâng cao chất lượng tín dụng, trong năm đã xử lý dứt điểm một số khoản nợ có vấn đề tồn đọng nhiều năm.

Kết thúc năm 2020, nợ xấu (3-5) là 1.112 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ là 2,30%, tăng 1,12% so với năm 2019 (1,18%) và thấp hơn so với mức tiêu chuẩn 3% của NHNN.

Thời điểm 31/03/2021, nợ xấu (3-5) là 1.108 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ là 2,19%, giảm 0,11% so với cuối năm 2020 (2,30%) và vẫn thấp hơn so với mức tiêu chuẩn 3% của NHNN

#### ❖ Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Nhằm đảm bảo nguồn vốn dự phòng bù đắp rủi ro trong hoạt động tín dụng, VAB thường xuyên đánh giá và tuân thủ các quy định về việc trích lập dự phòng của NHNN, cụ thể tình hình trích lập như sau:

**Bảng 9: Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng**

*ĐVT: triệu đồng*

STT	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	Năm 2019	Năm 2020	Quý I/2021
1	Dự phòng chung	314.308	348.959	348.959
2	Dự phòng cụ thể	151.409	221.578	221.578
	<b>Tổng</b>	<b>465.717</b>	<b>570.537</b>	<b>570.537</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB*

#### 6.1.3. Hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư của VAB bao gồm đầu tư chứng khoán và góp vốn đầu tư dài hạn. Trong giai đoạn năm 2019 đến 31/03/2021, quy mô vốn tài trợ cho hoạt động đầu tư chiếm khoảng 14,25% tổng nguồn vốn kinh doanh của Ngân hàng tại thời điểm 31/03/2021. Trong đó hoạt động đầu tư chứng khoán chiếm bình quân 98,96% giá trị hoạt động đầu tư, cụ thể như sau:

**Bảng 10: Hoạt động đầu tư của VAB**

*ĐVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chứng khoán đầu tư	13.442.438	97,72%	12.399.950	99,09%	10.859.178	98,96%
Góp vốn đầu tư dài hạn	313.374	2,28%	113.874	0,91%	113.874	1,04%
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.755.812</b>	<b>100%</b>	<b>12.513.824</b>	<b>100%</b>	<b>10.973.052</b>	<b>100%</b>
<i>% tổng tài sản</i>	<i>17,99%</i>		<i>14,46%</i>		<i>14,25%</i>	

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB.*

❖ Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bảng 11: Hoạt động đầu tư của VAB

DVT: triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
<b>I</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>			
<b>1</b>	<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>10.218.379</b>	<b>11.216.122</b>	<b>9.325.349</b>
a	Chứng khoán nợ	10.144.304	11.142.047	9.247.840
	Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	6.760.935	11.142.047	9.247.840
	Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	3.383.369	-	-
b	Chứng khoán vốn	74.075	74.075	77.509
	CKV do TCKT trong nước phát hành	74.075	74.075	77.509
<b>2</b>	<b>Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>1.741.954</b>	<b>1.199.999</b>	<b>1.550.000</b>
	CK nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.450.954	1.199.999	1.400.000
	CK nợ do các TCKT trong nước phát hành	291.000	-	150.000
<b>3</b>	<b>Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành</b>	<b>2.320.843</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Cộng</b>	<b>14.281.176</b>	<b>12.416.121</b>	<b>10.875.349</b>
<b>II</b>	<b>Dự phòng chứng khoán đầu tư</b>			
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(15.777)	(16.171)	(16.171)
2	Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	(822.961)	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>(838.738)</b>	<b>(16.171)</b>	<b>(16.171)</b>
<b>III</b>	<b>Giá trị chứng khoán đầu tư ròng</b>	<b>13.442.438</b>	<b>12.399.950</b>	<b>10.859.178</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB

❖ Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn

Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn của VAB là khoản vốn góp vào các công ty cổ phần, ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và Quỹ bảo lãnh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ TP.HCM. Cụ thể như sau:



**Bảng 12: Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn của VAB**

Đơn vị tính: triệu đồng

Công ty	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
CTCP Bảo hiểm Hùng Vương	33.000	33.000	33.000
CTCP Sơn Trà	49.500	-	-
CTCP Khoáng sản Yên Bái YVG	41.850	41.850	41.850
CTCP Nước khoáng Vĩnh Hào	15.565	15.565	15.565
CTCP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn	8.868	8.868	8.868
CTCP Sài Gòn Đầu tư Kỹ thuật Xây dựng (ECI-Sai Gon)	10.184	10.184	10.184
CTCP Thanh toán Quốc Gia Việt Nam (Napas)	2.000	2.000	2.000
CTCP Thương mại Quốc tế ITC	905	905	905
CTCP Kim hoàn Sài Gòn	672	672	672
Quỹ bảo lãnh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ TP.HCM	500	500	500
CTCP Đầu tư Công nghệ Hóa chất Lào Cai	330	330	330
Ngân Hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank)	150.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>313.374</b>	<b>113.874</b>	<b>113.874</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB.

❖ **Kết quả hoạt động đầu tư**

**Bảng 13: Kết quả hoạt động đầu tư**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1	Lãi (lỗ) từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.819	16.093	(30)
	Thu nhập từ mua chứng khoán đầu tư	1.925	23.083	-
	Chi phí về mua chứng khoán đầu tư	106	6.990	30
2	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	1.165	47.823	150
	Thu từ chuyển nhượng	-	38.500	-
	Cổ tức nhận được trong kỳ góp vốn, mua cổ phần	1.165	9.323	150

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB

#### 6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

##### ❖ Các sản phẩm giao dịch ngoại tệ

Dịch vụ mua bán ngoại tệ của VAB đáp ứng mọi nhu cầu hợp lệ của khách hàng với tỷ giá hấp dẫn. Các dịch vụ mua bán ngoại tệ hiện đang được VAB triển khai bao gồm:

**Giao dịch ngoại tệ giao ngay (SPOT):** Là giao dịch hai bên thực hiện mua/bán một lượng ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm giao dịch và kết thúc thanh toán trong ngày hoặc trong vòng 02 ngày làm việc tiếp theo.

**Giao dịch ngoại tệ hoán đổi (SWAP):** Là giao dịch đồng thời mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch), trong đó kỳ hạn thanh toán của hai giao dịch là khác nhau và tỷ giá của hai giao dịch được xác định ngay tại thời điểm ký kết hợp đồng. Sản phẩm này có kỳ hạn thanh toán linh hoạt theo nhu cầu của khách hàng. Cụ thể Giao dịch hoán đổi giữa Đồng Việt Nam với các ngoại tệ: Từ 3 đến 365 ngày kể từ ngày giao dịch; Giao dịch hoán đổi giữa các ngoại tệ với nhau: Do VAB và khách hàng tự thỏa thuận.

**Giao dịch ngoại tệ có kỳ hạn (FORWARD):** Là giao dịch hai bên cam kết sẽ mua/ bán với nhau một lượng ngoại tệ theo mức tỷ giá được xác định vào thời điểm cam kết và việc thanh toán sẽ được thực hiện vào thời điểm xác định trong tương lai.

- Áp dụng tỷ giá kỳ hạn: Tỷ giá được xác định vào ngày giao dịch trên cơ sở:
  - + tỷ giá giao ngay,
  - + chênh lệch lãi suất giữa hai đồng tiền giao dịch;
  - + kỳ hạn của hợp đồng.
- Kỳ hạn thanh toán linh hoạt theo nhu cầu của khách hàng:
  - + Giao dịch giữa VND với ngoại tệ: kỳ hạn thanh toán tối thiểu là 03 ngày, tối đa là 365 ngày kể từ ngày giao dịch.
  - + Giao dịch giữa hai ngoại tệ khác nhau: kỳ hạn thanh toán dựa trên cơ sở thỏa thuận giữa VAB và khách hàng.

##### ❖ Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng bao gồm kinh doanh ngoại hối và kinh doanh vàng. Từ năm 2018, VAB đã chủ trương thu hẹp các hoạt động kinh doanh ngoại hối, đặc biệt là kinh doanh vàng. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ hướng đến việc cung cấp các dịch vụ ngoại hối cho khách hàng của VAB, nhờ đó đã kiểm soát và hạn chế tối đa những rủi ro biến động tỷ giá...trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ.



**Bảng 14: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ**

*DVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	62.948	77.810	10.321
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	4.322	15.308	2.875
Thu từ kinh doanh vàng	5.600	9.183	105
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	53.026	53.320	7.341
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	53.329	43.825	6.954
Chi phí kinh doanh ngoại tệ giao ngay	10.172	12.780	2.191
Chi phí về kinh doanh vàng	220	2.173	0
Chi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	42.937	28.873	4.763
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	9.619	33.984	3.367

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB.*

#### 6.1.5. Dịch vụ khác

Cùng với sự lớn mạnh của mạng lưới khách hàng, chi nhánh và các phòng giao dịch, VAB cũng từng bước đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ ngân hàng như dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ... và một số dịch vụ đặc trưng khác.

##### ❖ Dịch vụ thanh toán

- Thư tín dụng nhập khẩu/Xuất khẩu (L/C):

VAB thực hiện phát hành L/C theo yêu cầu của doanh nghiệp (người nhập khẩu) để cam kết thanh toán ngay hoặc thanh toán vào một thời hạn nhất định trị giá của L/C cho người hưởng lợi khi người hưởng lợi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với các điều kiện nêu trong L/C.

Ở chiều ngược lại, VAB kiểm tra tính chân thực bề ngoài của L/C hoặc sửa đổi L/C và thông báo đến doanh nghiệp. Bộ chứng từ sẽ được VAB hỗ trợ kiểm tra, hướng dẫn sửa chữa, chiết khấu (nếu có nhu cầu) và gửi đi nước ngoài yêu cầu thanh toán.

- Nhờ thu Nhập khẩu/Xuất khẩu

VAB với vai trò Ngân hàng nhờ thu sẽ chuyển bộ chứng từ xuất khẩu của Quý khách đi nước ngoài nhờ thu hộ, theo dõi, nhắc nhở thanh toán, chuyển tiền vào tài khoản của Quý khách khi đối tác thanh toán.

Ở chiều ngược lại, VAB nhận ủy quyền của người nhập khẩu để kiểm tra, thông báo chứng từ do ngân hàng của người xuất khẩu chuyển đến và thanh toán tiền theo yêu cầu của người xuất khẩu

- Chuyển tiền quốc tế

Nhu cầu thanh toán tiền hàng nhập khẩu, phí dịch vụ, hoa hồng... cho đối tác hay muốn chuyển lợi nhuận, doanh thu được chia và thu nhập hợp pháp về nước (đối với các nhà đầu tư nước ngoài)... của Khách hàng sẽ được đáp ứng tốt nhất với dịch vụ chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài của VAB.

Nhu cầu nhận tiền thanh toán bằng điện chuyển tiền (Telegraphic Transfer) của đối tác cho các hợp đồng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của Khách hàng sẽ được đáp ứng một cách nhanh chóng, an toàn và hiệu quả thông qua dịch vụ chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam của VAB.

- Dịch vụ chi trả kiều hối Western Union

Dịch vụ nhận tiền từ nước ngoài gửi về qua Western Union được cung cấp bởi VAB với dịch vụ chuyên nghiệp, nhanh chóng, thuận lợi, an toàn và hoàn toàn không thu phí người nhận tiền.

- Dịch vụ chuyển tiền trong nước

Với mạng lưới chi nhánh và các điểm giao dịch trải rộng trên toàn quốc, VAB cam kết dịch vụ chuyển tiền đi/ đến của khách hàng được thực hiện một cách nhanh chóng, an toàn và thuận lợi.

❖ **Dịch vụ ngân quỹ khách hàng doanh nghiệp**

Nhằm cung ứng các tiện ích cho khách hàng khi thực hiện giao dịch bằng tiền mặt, VAB đã triển khai các dịch vụ về ngân quỹ như sau.

- Thu đổi ngoại tệ theo qui định của NHNN với tỷ giá hợp lý.
- Dịch vụ chi trả hộ: gồm chi trả hộ lương cho CB CNV, chi cổ tức cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.
- Dịch vụ kiểm đếm tiền mặt tại chỗ
- Kiểm định vàng.
- Kiểm đếm và xác định ngoại tệ thật, giả.

❖ **Kết quả kinh doanh hoạt động dịch vụ**

Đây là mảng hoạt động dịch vụ không vì lợi nhuận của VAB. Các hoạt động dịch vụ này nhằm chủ yếu gia tăng giá trị, tiện ích nhằm thu hút khách hàng.

**Bảng 15: Hoạt động dịch vụ**

*ĐVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Thu phí dịch vụ	22.993	50.435	12.442
Thu dịch vụ thanh toán	9.826	25.136	5.056
Thu dịch vụ ngân quỹ	637	657	158



Thu khác về dịch vụ	12.530	24.642	7.228
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	<b>36.137</b>	<b>33.934</b>	<b>8.689</b>
Chi dịch vụ thanh toán	10.070	20.214	3.976
Chi về dịch vụ ngân quỹ	339	292	53
Chi khác về dịch vụ	25.728	13.428	4.660
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	<b>(13.144)</b>	<b>16.501</b>	<b>3.753</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB.

## 6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

### 6.2.1. Tổng quan

VAB đã và đang tiếp tục xây dựng một chiến lược QTRR vững mạnh với một hệ thống phù hợp với yêu cầu phát triển kinh doanh và những hướng dẫn vận hành chặt chẽ nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh trong trung và dài hạn. Khối Quản trị Rủi ro thuộc sự giám sát của HĐQT và Ban Điều hành là một trong những nhân tố chủ yếu của hoạt động VAB và được thực hiện chặt chẽ ngay từ khi VAB đi vào hoạt động. Ý thức rằng QTRR đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một NHTM, VAB xây dựng chiến lược QTRR dựa trên các nguyên tắc sau: an toàn trong hoạt động cho vay; đa dạng danh mục cho vay; đơn giản, thuận tiện trong qui trình; cam kết đầu tư vào phát triển con người và hệ thống; và các chính sách thận trọng được đầu tư về trung và dài hạn.

Chiến lược QTRR cơ bản của VAB là xây dựng một hệ thống QTRR phù hợp với Chiến lược và mô hình phát triển kinh doanh kèm theo các hướng dẫn vận hành chi tiết. Chiến lược này sẽ được triển khai trong thích với mức độ rủi ro mà VAB gặp phải, cho phép vừa phát triển kinh doanh vừa đảm bảo việc phòng ngừa, giảm thiểu và kiểm soát rủi ro. Chiến lược QTRR sẽ gắn chặt với các hoạt động kinh doanh chủ chốt của VAB và linh hoạt để thích ứng với những thay đổi của môi trường bên ngoài.

Để xây dựng được hệ thống QTRR như vậy, VAB đã liên tục củng cố nền tảng của Khung quản trị rủi ro bằng việc phát huy những thành tựu đạt được và phát triển cán bộ nòng cốt thông qua công tác đào tạo. Cùng với việc áp dụng những công cụ QTRR và ứng dụng công nghệ mới nhất, công tác QTRR sẽ được áp dụng trong mọi khía cạnh hoạt động của VAB.

### 6.2.2. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Khối Quản trị rủi ro

Cơ cấu bộ máy tổ chức của khối quản trị rủi ro trong VAB được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 3: Cơ cấu tổ chức của khối quản trị rủi ro



Khối quản trị rủi ro có nhiệm vụ như sau:

- Hoạch định, xây dựng chiến lược và triển khai thực hiện kế hoạch QTRR toàn hệ thống Xây dựng chính sách quy định, triển khai và giám sát việc tuân thủ thực hiện đảm bảo giảm thiểu rủi ro toàn hệ thống.
- Hỗ trợ các khối kinh doanh và các đơn vị trong các chương trình hành động của khối, giám sát việc thực hiện các chính sách quy định QTRR. Hỗ trợ xây dựng các chính sách, sản phẩm tín dụng, cảnh báo sớm rủi ro nhằm giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận của Ngân hàng.
- Xây dựng các công cụ định lượng và đánh giá rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, định kỳ Kiểm soát rủi ro toàn danh mục, kiểm soát đảm bảo chất lượng tín dụng toàn hệ thống.
- Thực hiện các công việc kiểm tra, tái thẩm định các hồ sơ đề xuất cấp tín dụng, đưa ra những ý kiến độc lập và những đề xuất giảm thiểu rủi ro tín dụng.
- Đưa ra các quyết định phê duyệt theo chính sách, sản phẩm của VAB một cách rõ ràng, nhất quán trong phạm vi thời gian quy định.
- Kiểm soát đảm bảo chất lượng tín dụng và tài sản đảm bảo toàn hệ thống. Quản lý danh mục QTRR, cung cấp các báo cáo phân tích và cảnh báo rủi ro, xây dựng các công cụ Quản trị kiểm soát Rủi ro.
- Xây dựng chính sách, công cụ, phương thức quản lý tài sản bảo đảm và hệ thống thu hồi nợ nhằm giảm thiểu tổn thất cho VAB.
- Xây dựng chính sách, công cụ, phương thức quản lý vốn nhằm giảm thiểu tổn thất cho VAB.

### 6.2.3. Các phương pháp đánh giá rủi ro các khoản vay

VAB đã phát triển các mô hình đánh giá tín dụng khác nhau phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Những mô hình này thường xuyên được rà soát và cải thiện khi Ngân hàng có thêm nhiều dữ liệu. Tất cả những khách hàng tiềm năng đều được đánh giá tín dụng thông qua hệ thống đánh giá tín dụng nội bộ của Ngân hàng trước khi hồ sơ vay của họ được phê duyệt. VAB đã xây dựng các



chính sách và hướng dẫn sử dụng các mô hình đánh giá tín dụng này để đảm bảo rằng nhân viên quen thuộc với các phương pháp đánh giá tín dụng của Ngân hàng. Ngoài ra, mô hình đánh giá tín dụng cũng được tích hợp vào hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng, do đó tăng tính hiệu quả của quy trình đánh giá và quản trị rủi ro.

- **Mô hình đánh giá tín dụng đối với khách hàng cá nhân**

Nhằm hoàn thiện việc đánh giá rủi ro đến từ các khách hàng cá nhân, VAB đã đưa vào sử dụng mô hình xác định và mô phỏng xác suất vỡ nợ (Probability of default) của khách hàng cá nhân nhằm lượng hóa các tổn thất tín dụng. Ngân hàng sẽ xác định các biến số trong mô hình dựa trên các dữ liệu nội bộ, bao gồm thông tin về khách hàng, lịch sử giao dịch, lịch sử thanh toán trong quá khứ, dữ liệu của cơ quan tín dụng, tài sản hiện có và các sản phẩm ngân hàng đang được khách hàng sử dụng. Ngoài ra, VAB cũng đã hoàn thiện mô hình mới có khả năng dự phóng các tổn thất ước tính (Loss Given Default) để tính toán giá trị nội tại và giá trị còn lại của tài sản đảm bảo nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của biến động thị trường lên giá trị tài sản này.

Sự kết hợp giữa mô hình Xác định và mô phỏng xác suất vỡ nợ (PD) và mô hình dự phòng các tổn thất ước tính (LGD) giúp ngân hàng lượng hóa rủi ro tín dụng của khách hàng tại bất cứ thời điểm nào, từ đó giúp Ngân hàng ra các quyết định tín dụng khác nhau như phê duyệt hồ sơ vay, quyết định bán chéo sản phẩm và các quyết định khác tại giai đoạn tiền phê duyệt và/hoặc giai đoạn cảnh báo sớm.

- **Mô hình đánh giá tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp**

Khách hàng doanh nghiệp được xếp loại bằng những mô hình PD khác nhau, tùy theo phân khúc khách hàng. Những mô hình này tích hợp và xem xét đến các yếu tố định lượng và cả định tính nhằm đánh giá khách hàng qua ba tiêu chí: (i) ngành, lĩnh vực hoạt động và sự thành lập; (ii) mức độ tin cậy về mặt tín dụng của khách hàng; và (iii) ngành nghề kinh doanh, tình hình tài chính, tài sản và khả năng chi trả.

Các khách hàng doanh nghiệp được xếp loại, đánh giá lại định kỳ mỗi năm một lần hoặc khi có sự thay đổi đáng kể ảnh hưởng đến xếp loại rủi ro của khách hàng. Kết quả xếp loại được sử dụng như nguồn tham chiếu chính trong quá trình phê duyệt tín dụng của khách hàng.

#### **6.2.4. Mục tiêu và định hướng công tác quản trị rủi ro**

- ❖ **VAB – hiểu rõ khách hàng để quản trị rủi ro tốt hơn**

Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ đảm bảo sức khỏe tài chính và sự phát triển bền vững của một ngân hàng. Vì vậy, trong những năm gần đây các ngân hàng Việt Nam rất chú trọng đầu tư và đẩy mạnh hoạt động quản lý rủi ro.

Sự khác biệt của VAB là tất cả mọi chiến lược và hoạt động của chúng tôi đều đặt khách hàng ở trung tâm, làm thế nào để mang lại giá trị cho khách hàng, đi song hành cùng với sự phát triển thịnh vượng của khách hàng thay vì tập trung bằng mọi cách để bán sản phẩm của mình. Khi hiểu khách hàng, chất lượng của sản phẩm dịch vụ sẽ sát với nhu cầu của khách hàng, và theo đó Ngân hàng cùng phát triển đồng hành với khách hàng. Hiểu rõ điều này, “Khách hàng là trọng tâm” cũng chính là kim chỉ nam cho hoạt động quản lý rủi ro của VAB và được thể hiện qua các góc độ sau:

❖ **Mô hình quản lý rủi ro hướng tới khách hàng**

Với mục tiêu QTRR hiệu quả, thông suốt, minh bạch và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, mô hình quản trị tại VAB tách biệt các chức năng bán hàng và phê duyệt chấp nhận rủi ro, theo đó các bộ phận chức năng đều có vai trò độc lập của mình. Việc có chung một mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, nhằm phát triển kinh doanh song hành với đảm bảo quản trị rủi ro hiệu quả là vô cùng thách thức. Tuy nhiên, mô hình QTRR được xây dựng theo từng phân khúc khách hàng, đáp ứng với quy mô, đặc tính, hành vi của từng nhóm khách hàng và với định hướng “QTRR chủ động tới gần khách hàng hơn, am hiểu kinh doanh hơn” đã giúp VAB ngày càng quản trị rủi ro hiệu quả hơn, hiểu khách hàng, nhận diện sớm các rủi ro và có các quyết định phù hợp hơn.

VAB xây dựng các phương thức quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản linh hoạt và chủ động dự phòng cho các phương án rủi ro. Việc linh hoạt trong quản trị, giúp vừa quản lý được vốn mà đơn giản trong vận hành kinh doanh. Theo đó, các giải pháp và dịch vụ cho khách hàng cũng có nhiều lựa chọn hơn, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng. Một số sản phẩm được đánh giá cao, trong đó đặc biệt là các sản phẩm trái phiếu Doanh nghiệp bán cho các khách hàng cá nhân cũng được các khách hàng nhiệt tình tham gia.

❖ **Văn hóa tuân thủ đảm bảo tính hệ thống và chuẩn mực**

Với mục tiêu chiến lược là Ngân hàng tốt nhất tại Việt Nam, VAB đã luôn tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất vào hoạt động quản trị kinh doanh, đặc biệt trong công tác quản trị rủi ro. Việc nghiêm túc tuân thủ các qui định pháp luật, các chuẩn mực tiêu chuẩn quốc tế và chủ động thực hiện áp dụng toàn hệ thống, VAB hướng tới xây dựng hệ thống minh bạch tin cậy đối với các khách hàng và đối tác.

Văn hóa tuân thủ được xây dựng, phát huy và đề cao ở VAB. Các cán bộ VAB nghiêm túc và đề cao tính tự giác tuân thủ, không dung túng bao che các vi phạm. Bên cạnh đó còn chủ động cam kết thực hiện các chuẩn mực hành vi và đạo đức nghề nghiệp.

❖ **Kế hoạch và định hướng**

Trong các năm tới, VAB tập trung vào các nhiệm vụ sau:



- Trong công tác QTRR hoạt động: cán bộ VAB nghiêm túc, thống nhất, đưa công tác QTRR hoạt động gắn liền với hoạt động của tất cả đơn vị theo sự chỉ đạo, định hướng của Hội đồng rủi ro hoạt động và Pháp lý.
- Xây dựng một văn hóa QTRR hoạt động mạnh mẽ, trở thành một cấu phần quan trọng trong Văn hóa tổ chức của VAB.

### 6.3. Thị trường hoạt động

#### ❖ Mạng lưới chi nhánh

- Trụ Sở chính đặt tại 34A - 34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Số lượng chi nhánh (CN), phòng giao dịch (PGD) theo từng năm (từ năm 2015 đến năm 2020):

**Bảng 16: Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch của VAB**

Mạng lưới	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượng chi nhánh (bao gồm Hội sở)	18	19	22	22	25	25
Số lượng PGD	64	69	69	69	73	73
Số lượng Quỹ tiết kiệm	5	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>87</b>	<b>88</b>	<b>91</b>	<b>91</b>	<b>98</b>	<b>98</b>
Số lượng CN mới		1	3		3	
Số lượng PGD mới	1				4	
Số lượng PGD chuyển đổi từ QTK	1	5			0	
<b>Cộng</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>0</b>
<b>Phân bố mạng lưới</b>						
Miền Bắc & Hà Nội	11	12	15	15	19	19
Miền Trung & Tây Nguyên	22	22	22	22	24	24
HCM & Đông Nam Bộ	37	37	37	37	38	38
Miền Tây	17	17	17	17	17	17
<b>Tổng cộng</b>	<b>87</b>	<b>88</b>	<b>91</b>	<b>91</b>	<b>98</b>	<b>98</b>

- o Năm 2015, VAB khai trương hoạt động PGD Duy Xuyên chi nhánh Hội An.
- o Năm 2016, theo quyết định số 752/NHNN-TTGSNH ngày 05/02/2016 VAB nâng cấp toàn bộ 05 Quỹ tiết kiệm (Nguyễn Thượng Hiền, Số 2, Sơn Tịnh, Tây Bắc Củ Chi, Số 4) lên mô hình PGD. Đồng thời, VAB được cấp phép mở mới và khai trương chi nhánh Bắc Ninh.
- o Năm 2017 khai trương 03 Chi nhánh (Phan Thiết, Quảng Ninh, Hải Phòng).
- o Năm 2018, VAB không mở mới thêm CN và PGD.

- o Năm 2019, VAB khai trương và đưa vào hoạt động 03 chi nhánh: Hà Đông, Thăng Long, Hoàng Mai và 04 PGD (Lê Chân trực thuộc chi nhánh Hải Phòng), (An Nhơn – Quy Nhơn), (Bắc Phan Thiết – Phan Thiết), (Trảng Dài – Đồng Nai). Đến năm 2019, mạng lưới ngân hàng có 98 điểm giao dịch gồm: 01 trụ sở chính, 24 chi nhánh và 73 PGD.
- o Năm 2020, VAB không mở mới thêm CN và PGD
- VAB có 01 công ty con: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản NHTMCP Việt Á (viết tắt là AMC VAB), hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 2764/QĐ-NHNN ngày 18/11/2010. Đến 31/03/2021, VAB AMC có vốn điều lệ 500 tỷ đồng.

❖ **Mạng lưới khách hàng và các dịch vụ cho khách hàng**

VAB đã triển khai mạng lưới 43 máy ATM để phục vụ nhu cầu giao dịch của khách hàng. Trong quý 4/2019 và Quý 1/2020, VAB sẽ đầu tư mới 42 máy ATM để thay thế 36 máy ATM cũ và lắp đặt thêm 6 máy ATM mới; nâng tổng số máy ATM lên 49 máy; tất cả các máy ATM này sẽ đảm bảo giao dịch của thẻ Chip EMV và Chip VCCS (chuẩn Chip thẻ nội địa của Việt Nam).

Hiện tại, VAB chưa đầu tư máy POS đặt tại các đơn vị chấp nhận thẻ (nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, công ty du lịch, khách sạn,...), chỉ đầu tư 20 POS lắp đặt tại các Chi nhánh/Phòng Giao dịch để phục vụ cho nhu cầu thanh toán phí bảo hiểm Chubb Life của khách hàng.

Ngoài mạng lưới ATM/POS của mình, VAB còn tham gia liên minh thẻ NAPAS (Công ty Cổ phần Chuyển mạch Quốc gia Việt Nam - đơn vị chuyển mạch thẻ duy nhất tại Việt Nam hiện nay), cho phép khách hàng giao dịch tại tất cả các ATM/POS trên toàn quốc (18.586 ATM và 228.420 POS).

❖ **Thị phần và khả năng cạnh tranh**

Hiện tại, VAB đã có trên 500.000 khách hàng cá nhân và khoảng trên 10.000 khách hàng doanh nghiệp đang sử dụng dịch vụ của VAB. VAB đã thiết lập một hệ thống dịch vụ toàn diện nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng gồm dịch vụ ngân hàng bán buôn, ngân hàng bán lẻ, dịch vụ ngân hàng dành cho doanh nghiệp và các tổ chức khác, dịch vụ tài chính cá nhân. Đồng thời, VAB cũng phát triển các kênh giao dịch điện tử internet banking, mobile banking, hỗ trợ thanh toán hóa đơn và thanh toán qua các website bán hàng trên mạng trên thị trường Việt Nam.

Thời điểm hiện tại, mạng lưới phân phối của VAB là mạng lưới lớn trong khối ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam.

#### **6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện**

Hiện VAB đã và đang triển khai hàng loạt các dự án như:

- o Dự án triển khai thông tư 41 và thông 13 theo yêu cầu của NHNN



- Dự án khách hàng thân thiết Loyalty
- Dự án triển khai thẻ nội địa và quốc tế
- Dự án triển khai dịch vụ thu hộ tiền nước
- Dự án triển khai hóa đơn điện tử
- Dự án triển khai dịch vụ thanh toán QRcode với các đối tác liên quan
- Dự án nâng cấp hệ thống CoreBanking

#### 6.5. Cơ cấu doanh thu

**Bảng 17: Cơ cấu thu nhập của VAB**

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
	(triệu VND)	(%)	(triệu VND)	(%)	(triệu VND)	(%)
Thu nhập lãi tiền gửi	147.347	3,00%	83.115	1,44%	7.984	0,64%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	4.070.927	82,77%	4.829.366	83,43%	1.103.214	88,06%
Thu từ lãi kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	618.233	12,57%	689.183	11,91%	136.631	10,91%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	12.065	0,25%	4.656	0,08%	2.698	0,22%
Thu khác từ hoạt động tín dụng	69.704	1,42%	182.036	3,14%	2.218	0,18%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.918.276</b>	<b>100%</b>	<b>5.788.356</b>	<b>100%</b>	<b>1.252.744</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC Quý I/2021 của VAB

**Bảng 18: Cơ cấu lãi lỗ thuần của VAB**

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		31/03/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
	(triệu VND)	(%)	(triệu VND)	(%)	(triệu VND)	(%)
Thu nhập lãi thuần	1.019.164	81,99%	1.310.780	73,57%	242.922	86,82%

Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	(13.144)	-1,06%	16.501	0,93%	3.753	1,34%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	9.619	0,77%	33.984	1,91%	3.367	1,34%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	2.281	0,18%	1.278	0,07%	8.983	3,21%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.819	0,15%	16.093	0,90%	(30)	-0,01%
Lãi lỗ thuần từ hoạt động khác	222.180	17,87%	355.270	19,94%	20.666	7,39%
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	1.165	0,09%	47.823	2,68%	150	0,05%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.243.085</b>	<b>100%</b>	<b>1.781.729</b>	<b>100%</b>	<b>279.809</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC Quý I/2021 của VAB

#### 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Theo số liệu báo cáo của VAB, giai đoạn từ năm 2019 đến Quý I/2021, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng có nhiều khởi sắc, quy mô tài sản và lợi nhuận sau thuế duy trì mức tăng trưởng tốt, cụ thể như sau:

**Bảng 19: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ từ năm 2019 – Quý I/2021**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/giảm (2020/2019)	Quý I/2021
Tổng giá trị tài sản	76.520	86.648	13,24%	77.233
Vốn chủ sở hữu	4.447	5.728	28,81%	5.851
Thu nhập lãi từ các khoản thu nhập trung tự	4.918	5.788	17,69%	1.253
Lãi lỗ từ hoạt động dịch vụ	(17)	3	-	2
Lãi lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	10	34	240%	3



Lãi lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh	2,28	1,28	(43,86)%	8,98
Lãi lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	2	16	700%	(0)
Lãi lỗ từ hoạt động khác	218	338	55,05%	20
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1	48	4700%	0
Chi phí hoạt động	593	607	2,36%	(151)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	639	1.139	78,25%	125
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	343	733	113,70%	-
Lợi nhuận trước thuế	296	406	37,16%	125
Lợi nhuận sau thuế	228	331	45,18%	125
Giá trị sổ sách (đồng/CP)	12.705	12.939	1,84%	13.149

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2020 và BCTC riêng Quý I/2021 của VAB

**Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ năm 2019 – Quý I/2021**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/giảm (2020/2019)	Quý I/2021
Tổng giá trị tài sản	76.447	86.529	13,19%	77.025
Vốn chủ sở hữu	4.442	5.724	28,86%	5.848
Thu nhập lãi từ các khoản thu nhập tương tự	4.918	5.788	17,69%	1.253
Lãi lỗ từ hoạt động dịch vụ	(13)	17	-	4
Lãi lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	10	34	240%	3
Lãi lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh	2,28	1,28	(43,86)%	8,98

Lãi lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	2	16	700%	(0)
Lãi lỗ từ hoạt động khác	222	355	59,91%	21
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1	48	4.700%	0
Chi phí hoạt động	(601)	(617)	-	(155)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	642	1.165	81,46%	125
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(366)	(758)	-	-
Lợi nhuận trước thuế	276	407	47,46%	125
Lợi nhuận sau thuế	207	332	60,39%	125
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	207	332	60,39%	125
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-
Giá trị sổ sách (đồng/CP)	12.692	12.864	1,36%	13.142

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý I/2021 của VAB*

Năm 2020, thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự của VietABank đạt 5.788 tỷ đồng tương đương tăng trưởng 17,71%. Lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư năm 2020 lần lượt đạt 34 tỷ đồng và 16 tỷ đồng, tăng trưởng 253,30% và 784,49% so với năm 2019. Lãi từ hoạt động dịch vụ và lãi từ hoạt động khác năm 2020 là 17 tỷ đồng và 355 tỷ đồng tương đương tăng 225,54% và tăng 59,90% so với năm 2019.

Các nguồn thu nhập năm 2020 của VietABank tăng so với năm 2019. Dẫn đến, chính sách tăng thu nhập cho người lao động, chi phí hoạt động năm 2020 của Ngân hàng tăng nhẹ 2,55% và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 107,02%. Đây là nguyên nhân chính làm tăng lợi nhuận sau thuế năm 2020. Năm 2020, lợi nhuận sau thuế của VietABank đạt 332 tỷ đồng tăng 60,09% so với năm 2019.

## 8. Vị thế của Ngân hàng so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 8.1. Vị thế của Ngân hàng trong ngành

Ngân hàng TMCP Việt Á là một ngân hàng trẻ, năng động. Trải qua 16 năm xây dựng và phát triển, VAB đã đạt được những thành tựu quan trọng, từng bước khẳng định vị thế trên thị trường là một ngân hàng được tín nhiệm cao, chất lượng dịch vụ tốt, mặt bằng lãi suất hấp dẫn và sản phẩm



dịch vụ linh hoạt. VAB không ngừng hoàn thiện cơ chế hoạt động, đào tạo đội ngũ cán bộ, trở thành một điểm đến được khách hàng tin tưởng, có thái độ phục vụ tận tâm, là điểm tựa vững chắc cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

Thành công của VAB đã được cộng đồng xã hội cũng như các tổ chức trong nước và quốc tế nhìn nhận, đánh giá cao thông qua những giải thưởng: Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giải thưởng quốc tế từ Global Banking and Finance Review, Top 100 giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam,...

Về năng lực tài chính, với vốn điều lệ của VietABank hiện nay là 4.449 tỷ đồng, tổng tài sản tại 31/03/2021 là 77.025 tỷ đồng, VietABank là Ngân hàng vừa và nhỏ trong hệ thống các ngân hàng thương mại. Tính đến nay, VietABank có 98 điểm giao dịch trong đó có 1 trụ sở chính, 24 chi nhánh và 73 Phòng giao dịch trên cả nước. Trong đó, chủ yếu là các chi nhánh giao dịch tập trung tại Hồ Chí Minh miền Đông Nam Bộ.

Về chất lượng hoạt động, hoạt động huy động vốn từ khách hàng của VietABank tại thời điểm 31/03/2021 là 63.000.381 triệu đồng, cho vay khách hàng là 48.378.543 triệu đồng, tỷ lệ nợ xấu đạt 2,19% ở mức khá tốt so với các doanh nghiệp trong ngành.

Định hướng trở thành một trong những ngân hàng TMCP đa năng tại Việt Nam thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính ngân hàng chất lượng cao dựa trên đội ngũ nhân viên nhiệt tình, chuyên nghiệp và một nền tảng công nghệ hiện đại, trong đó ưu tiên tập trung và áp dụng chiến lược khác biệt hóa để trở thành ngân hàng hàng đầu tại những lĩnh vực, dịch vụ mà PG Bank có lợi thế cạnh tranh.

## **8.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nền kinh tế Việt Nam sẽ giảm tốc độ tăng trưởng nhẹ. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP của Việt Nam vẫn được dự báo giữ ở mức cao so với khu vực và thế giới. Theo tổng cục thống kê Việt Nam, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 của Việt Nam đạt 2,91%.

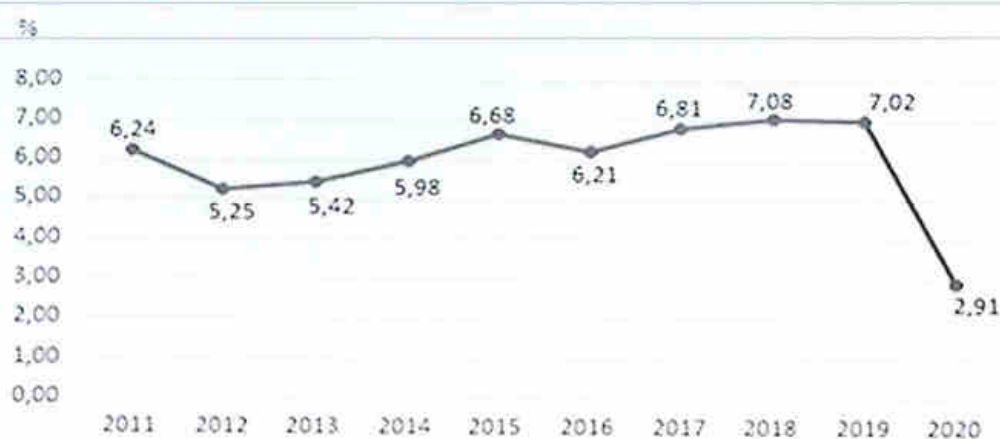
Ngoài ra, năm 2020 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh lãi suất điều hành tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh trước ảnh hưởng của dịch Covid-19. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát triển ổn định và an toàn trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp; huy động vốn cho nền kinh tế của thị trường chứng khoán tăng khoảng 20% so với năm trước.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,56% so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,1%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,87% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,48%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10,14% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,14%).

Xét trong ngắn hạn, ngành ngân hàng được dự báo là triển vọng khả quan trong năm 2021. Theo số liệu từ Ngân hàng Nhà nước, mặc dù nhu cầu tín dụng tháng 4 và 5 khá yếu nhưng tính đến cuối tháng 6, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đạt 3,26%. Mức tăng này chưa bằng một nửa so với cùng kỳ năm ngoái và là mức tăng thấp nhất 7 năm qua tính theo giai đoạn nửa năm. Xét theo cơ cấu, tín dụng tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực thương mại, công nghiệp và xây dựng trong đó công nghiệp và xây dựng ghi nhận tổng dư nợ tăng trưởng cao nhất so với các nhóm ngành còn lại

Xét trong dài hạn, Việt Nam với cơ cấu dân số trẻ, mức thu nhập bình quân đầu người tăng trưởng nhanh. Ngoài ra, dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam đang có xu hướng tăng là lợi thế thúc đẩy nền kinh tế phát triển nói chung, cũng như triển vọng tăng trưởng ngành ngân hàng nói riêng. Hệ thống ngân hàng tiếp tục phân hóa mạnh, và tiếp tục chuyển đổi để phù hợp với điều kiện thị trường. Các xu hướng mới trong ngành ngân hàng có thể kể đến như sau:

#### TỐC ĐỘ TĂNG GDP GIAI ĐOẠN 2010-2020



Nguồn: Tổng Cục thống kê

Thứ nhất là xu hướng chuẩn hóa và mua lại sáp nhập. Theo yêu cầu của Chính phủ trong Quyết định 986 đến năm 2025, các ngân hàng phải đáp ứng chuẩn Basel II, đồng thời một số ngân hàng có thể tiên phong áp dụng Basel III, cũng như những chuẩn mực về kế toán, kiểm toán quốc tế và quản trị thông tin, quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng. Bên cạnh đó, tác động của Hiệp định thương mại EVFTA tới ngành ngân hàng sẽ tạo động lực thúc đẩy các ngân hàng thương mại Việt Nam nhanh chóng đổi mới, chuẩn hóa nghiệp vụ để nâng cao khả năng cạnh tranh với ngân hàng quốc tế. EVFTA cũng tạo ra cơ hội cho các ngân hàng thương mại, đặc biệt là các ngân hàng đang thiếu vốn đáp ứng chuẩn Basel II, tạo ra làn sóng M&A mạnh mẽ trong lĩnh vực ngân hàng. Khi có sự tham gia của các đối tác chiến lược EU, các ngân hàng trong nước sẽ được tiếp cận bộ máy quản trị và công nghệ cũng như các sản phẩm tài chính - ngân hàng hiện đại.

Thứ hai là ngân hàng mở, sẽ mở ra cơ hội cho các ngân hàng phát triển dịch vụ mới và gia tăng giá trị bằng cách trao quyền cho khách hàng của họ nhanh chóng hiểu được tình hình tài chính của họ, khám phá các lựa chọn thay thế và đưa ra quyết định tài chính tốt hơn. Điều này không chỉ



nâng cao trải nghiệm ngân hàng tiêu dùng, mà còn tăng sự cạnh tranh trên thị trường, do đó, đã khuyến khích sự hợp tác và đổi mới giữa các ngân hàng và fintechs. Điều này đã thúc đẩy một nền kinh tế giàu API giữa các ngân hàng, đang mở rộng hệ sinh thái của họ và cuối cùng là phát triển hệ sinh thái dịch vụ tài chính nói chung.

Thứ ba là ngân hàng trên đám mây (cloud). Để cạnh tranh trong kỷ nguyên mới của dịch vụ tài chính, tất cả các ngân hàng cần đảm bảo công nghệ của họ phù hợp với chiến lược kinh doanh của họ, đồng thời tiết giảm chi phí, dẫn đến sự gia tăng nhu cầu về đám mây với bất kỳ loại hình doanh nghiệp nào. Công nghệ đám mây cho phép phát triển nhanh và nhanh, giúp đưa sản phẩm mới ra thị trường nhanh chóng và nắm bắt cơ hội trong thời gian ngắn nhất có thể. Khi tồn tại, ngân hàng đám mây mang lại khả năng mở rộng và độ co giãn cũng như hiệu quả hoạt động và giảm chi phí, mặt bằng và tăng cường tính bảo mật trong lưu trữ và quản lý tài liệu.

Thứ tư là bán chéo sản phẩm tài chính ngân hàng tiếp tục được đẩy mạnh. Xu hướng giao thoa hay bán chéo sản phẩm tài chính ngân hàng tiếp tục mạnh mẽ hơn, như giữa ngân hàng thương mại với ngân hàng đầu tư, giữa ngân hàng với bảo hiểm và cả ngân hàng với lĩnh vực chứng khoán, sẽ tiếp tục chặt chẽ hơn, để tạo ra một hệ sinh thái cho khách hàng hơn, đồng thời giúp cho ngân hàng tăng thêm các khoản thu ngoài lãi.

Thứ năm là xu hướng tăng cường, liên kết hợp tác giữa ngân hàng với công ty công nghệ tài chính (fintech, big tech) và các tổ chức khác nhằm tạo một hệ sinh thái toàn diện và tốt hơn cho khách hàng. Đây vừa là một xu thế, nhưng cũng là cơ hội và thách thức đối với hệ thống ngân hàng. Thách thức đối với các ngân hàng là liên kết với các đối tác này như thế nào, thêm vào đó cần phải có bigdata (cơ sở dữ liệu lớn) ở tầm cỡ quốc gia và với mỗi doanh nghiệp, và cần được Chính phủ cho phép cơ sở dữ liệu đó được chuẩn hóa, chia sẻ lẫn nhau. Ngoài ra, thách thức an ninh thông tin mạng, an ninh khách hàng, an ninh thông tin tài sản khách hàng.

Như vậy, triển vọng phát triển ngành ngân hàng trong dài hạn còn rất nhiều tiềm năng và là động lực để các ngân hàng cải tiến chính sách, công nghệ, bắt kịp xu hướng thị trường.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1. Số lượng người lao động trong Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Việt Á luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của Ngân hàng. Chính sách nhân sự của VietABank được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh hàng đầu.

Tại ngày 31/03/2021 số lượng nhân sự tại VAB là 1.428 người, cụ thể:

**Bảng 21: Cơ cấu nhân sự của VAB**

Loại lao động	Số lượng (người)
<b>Phân theo giới tính</b>	<b>1.428</b>
• Nam	477
• Nữ	951
<b>Phân theo trình độ học vấn</b>	<b>1.428</b>
• Trình độ trên đại học	89
• Trình độ đại học	1.140
• Trình độ cao đẳng và khác	199

Nguồn: VAB

### Chính sách đối với người lao động

#### • Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi của VAB đã được đánh giá rà soát và xây dựng theo định hướng gắn thu nhập của cán bộ nhân viên (CBNV) với kết quả hoàn thành công việc, làm tiền đề cho việc áp dụng và triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống.

Các chương trình thi đua khen thưởng được triển khai mạnh mẽ tại các Khối/Đơn vị kinh doanh tạo động lực cho các CBNV phát huy năng lực, quyết tâm hoàn thành kế hoạch kinh doanh.

#### • Chế độ bảo hiểm, phúc lợi

VAB luôn đảm bảo tuân thủ các chế độ bảo hiểm, phúc lợi theo quy định của pháp luật (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế). Ngoài các chế độ bắt buộc theo quy định của Pháp luật, VAB còn áp dụng nhiều chính sách phúc lợi riêng để tạo môi trường làm việc tốt, gắn kết người lao động với tổ chức:

- Chi cho CBNV nhân dịp các ngày lễ lớn, ngày sinh nhật CBNV....
- Trợ cấp cho CBNV nữ nghỉ sinh con, CBNV nghỉ ốm đau
- Đồng phục ngân hàng, trang phục ngoại khóa
- Chương trình nghỉ mát hàng năm
- Chương trình teambuilding nhằm phát huy và nâng tính gắn kết tập thể
- Chương trình cho vay ưu đãi CBNV
- Đào tạo và phát triển

Trong năm 2019; 2020, chất lượng đội ngũ nhân sự của VAB đã được cải thiện thông qua việc trẻ hóa đội ngũ nhân sự và tăng tiêu chuẩn chất lượng nhân sự đầu vào, kết hợp với việc triển khai và tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ và thuê ngoài.



Công tác đào tạo đã được chú trọng đẩy mạnh, với số giờ đào tạo trực tiếp trên toàn hệ thống của VAB lên tới 17.265 giờ và 438 khóa học qua E-learning. VAB đã triển khai đào tạo tập trung: 19 khóa học Sản phẩm bảo hiểm của Chubb Life cho 546 CBNV thuộc các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống.

Năm 2019; 2020, Trung tâm đào tạo của VAB đã cập nhật và nâng cấp hệ thống đào tạo trực tiếp E-learning và Website đào tạo nhằm gia tăng các tiện ích và tính năng cho người sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho CBNV phát huy khả năng tự học, tự đào tạo, trau dồi, hỗ trợ cho người lao động phát triển nghề nghiệp.

## 9.2. Mức lương bình quân

**Bảng 22: Mức lương bình quân**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Mức lương bình quân (VND/người/tháng)	13.560.709	13.405.367	14.848.588

Nguồn: VAB

## 10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị như sau:

- Cổ tức trả cho Cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của VAB. VAB chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi VAB đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố nhưng không vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trong ba năm gần đây, với chiến lược tích lũy nguồn lực cho việc phát triển ổn định, VAB không thực hiện chia cổ tức, dù bằng tiền mặt hay bằng tài sản khác. Năm 2021, VAB dự kiến phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức.

Việc trả cổ tức năm 2021 đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 và được thực hiện cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định sau khi được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

## 11. Tình hình tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### ✦ Nguyên tắc hạch toán kế toán

VietABank thiết lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam theo Luật cá tổ chức tín dụng, luật sửa đổi và bổ sung một số điều trong Luật các Tổ chức tín dụng, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Những nguyên tắc chính

- Năm tài chính của ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/11 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;
- Chuyển đổi tiền tệ: Nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng tiền tệ khác với đồng Việt nam sẽ được quy đổi sang đồng Việt Nam tại ngày phát sinh. Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Dự phòng rủi ro tín dụng: bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung. Dự phòng cụ thể được trích lập cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản nợ cụ thể theo tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Nhóm dư nợ	Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể
Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

- Đầu tư chứng khoán
  - + Chứng khoán kinh doanh: là chứng khoán được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn nhằm thu lợi từ việc chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua khác (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo số thuần. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của những chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá gốc.
  - + Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn: Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám Đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Giá trị phụ trội và giá tại chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo phương pháp đường thẳng tính



từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó. Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

- + Chứng khoán sẵn sàng để bán: là các chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước có thể bán bất cứ lúc nào. Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán. Lãi hoặc lỗ từ chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo số thuần. Chứng khoán nợ bao gồm (i) trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng. (ii) chứng khoán nợ đã niêm yết, giá thị trường được xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó. Nếu chứng khoán được bán trước ngày đáo hạn thì giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội chưa phân bổ được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày bán. Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

- Ghi nhận thu thập và chi phí

Ngân hàng ghi nhận thu nhập từ lãi và chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi. Phí thu từ việc cung cấp các dịch vụ trong một thời gian nhất định được dự thu trong suốt thời gian đó. Phí này bao gồm phí quản lý quỹ đầu tư, phí quản lý, phí nhận ủy thác, hoa hồng các phí liên quan đến cấp tín dụng, quản lý tài sản, phí quản lý danh mục và các chi phí quản lý cũng như phí tư vấn khác.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận.

✦ **Trích khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

**Bảng 23: Thời gian khấu hao tài sản cố định**

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25-50 năm
Máy móc thiết bị	3-8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-7 năm
Phần mềm kế toán	3-5 năm

Tài sản cố định khác	4-5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4-25 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	Khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất không có thời hạn	Được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao

Nguồn: VAB

#### ⬇ Trích lập các quỹ

Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23/11/2005 do Chính Phủ ban hành về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Theo đó, các Ngân hàng phải trích lợi nhuận để lại để lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ như sau:

**Bảng 24: Trích lập các quỹ**

Loại	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% LNST	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% LNST	25% Vốn điều lệ
Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ quyết định	ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với quy định của pháp luật
Quỹ khen lợi phúc lợi	Tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ quyết định	Tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện trong năm

#### ⬇ Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và người lao động

**Bảng 25: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước**

*ĐVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 31/12/2020	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại ngày 31/03/2021
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	(11.330)	2.734	1.495	(10.091)
Thuế TNDN	38.491	24.971	45.000	18.462
Thuế TNCN	914	2.687	4.269	(668)
Thuế nhà thầu	3	147	147	3

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của VAB



## 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 26: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng**

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Quý I/2021
<b>1. Vốn tự có</b>			
- Vốn điều lệ (Triệu đồng)	3.499.990	4.449.636	4.449.636
- Tỷ lệ an toàn vốn	10,10 %	8,44%	8,41%
- Tổng tài sản (Triệu đồng)	76.446.764	86.529.350	77.024.981
- Tổng vốn chủ sở hữu (Triệu đồng)	4.442.266	5.723.928	5.847.540
<b>2. Chất lượng tài sản</b>			
- Tỷ lệ nợ xấu	1,18%	2,30%	2,19%
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác) / Tổng tài sản	70,97%	73,50%	73,80%
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	91,70%	91,06%	90,01%
<b>3. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
- Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,36%	8,02%	2,41%
- Thu nhập dịch vụ/ Tổng thu nhập	0,44%	0,80%	0,97%
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	8%	12%	10%
<b>4. Khả năng thanh khoản</b>			
- Khả năng thanh toán ngay (Tỷ lệ dự trữ thanh khoản)	19,80%	12,42%	15,24%
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	33,99%	34,03%	34,89%
<b>5. Các chỉ tiêu hiệu quả</b>			
- NIM	1,45%	1,69%	0,36%
- ROE	4,67%	5,80%	2,14%
- ROA	0,27%	0,38%	0,16%

Nguồn: Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC Quý I/2021 của VAB

## 12. Tài sản

### ↳ Tài sản cố định

**Bảng 27: Tình hình tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm 31/03/2021**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	85.105	44.351	52,11%
Máy móc, thiết bị	123.133	5.214	4,23%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	74.931	11.666	15,57%
Tài sản hữu hình khác	11.254	7.408	65,83%
<b>Tổng cộng</b>	<b>294.423</b>	<b>68.639</b>	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2021 của VAB

**Bảng 28: Tình hình tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm 31/03/2021**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
Quyền sử dụng đất	112.002	112.002	100,00%
Phần mềm máy tính	113.053	16.453	14,55%
TSCĐ vô hình khác	12.173	7.163	58,84%
<b>Tổng cộng</b>	<b>237.228</b>	<b>135.618</b>	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2021 của VAB

### ↳ Tài sản có khác

**Bảng 29: Tài sản có khác tại thời điểm 31/12/2019; 31/12/2020 và 31/03/2021**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Giá trị tại 31/12/2019	Giá trị tại 31/12/2020	Giá trị tại 31/03/2021
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.789	977	977



2	Các khoản phải thu	1.192.589	3.062.825	3.728.970
3	Các khoản lãi, phí phải thu	3.111.602	3.453.802	2.696.120
4	Tài sản có khác	1.187.355	1.806.638	1.822.833
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội dung khác	(49.700)	(49.483)	(49.483)
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.447.636</b>	<b>8.274.759</b>	<b>8.199.417</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC Quý I/2021 của VAB

### 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

#### Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Tiếp theo sự thành công trong quá trình tái cấu trúc và xử lý nợ xấu của ngành ngân hàng năm 2020, cùng kỳ vọng nền kinh tế tiếp tục diễn biến tốt trong năm 2021, đồng thời cùng các động thái hỗ trợ từ chính sách của Chính phủ, hoạt động ngân hàng được dự báo sẽ khả quan hơn. Xử lý nợ xấu và tái cơ cấu vẫn là trọng tâm của ngành trong năm tới.

Mục tiêu của VAB năm 2021 đặt ra có sự tăng trưởng cao với nền tảng đã được chuẩn bị trong các năm qua: tổng tài sản tăng hơn 10.546 tỷ đồng, tổng tăng trưởng tín dụng tăng 7.178 tỷ đồng, huy động vốn từ khách hàng tăng 5.521 tỷ đồng và huy động vốn từ các tổ chức tín dụng khác tăng 3.559 tỷ đồng. Đồng thời, VAB đặt mục tiêu duy trì tỉ lệ nợ xấu dưới 3% để đảm bảo tính an toàn và ổn định của tình hình kinh doanh. Với các chỉ tiêu trên, lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch được đặt ra là 526 tỷ đồng.

**Bảng 30: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020		Kế hoạch năm 2021	
	Giá trị (triệu đồng)	Giá trị (triệu đồng)	Giá trị (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2020
Vốn điều lệ	4.449.636	5.399.636		21,35%
Doanh thu thuần	5.838.790	7.203.288		23,37%
Trong đó				
+ Thu thuần từ lãi	5.788.355	7.144.567		23,43%
+ Thu ngoài lãi	50.435	58.721		16,43%
Lợi nhuận sau thuế	332.016	526.685		58,63%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,69%	7,3%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	7,46%	9,8%	-
Cổ tức	-	21,35%	-

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 24/04/2021

### Căn cứ thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021

- Ngân hàng TMCP Việt Á là một ngân hàng trẻ, năng động. Trải qua 16 năm xây dựng và phát triển, VAB đã đạt được những thành tựu quan trọng, từng bước khẳng định vị thế trên thị trường là một ngân hàng được tin nhiệm cao, chất lượng dịch vụ tốt, mặt bằng lãi suất hấp dẫn và sản phẩm dịch vụ linh hoạt. VAB không ngừng hoàn thiện cơ chế hoạt động, đào tạo đội ngũ cán bộ, trở thành một điểm đến được khách hàng tin tưởng, có thái độ phục vụ tận tâm, là điểm tựa vững chắc cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Thành công của VAB đã được cộng đồng xã hội cũng như các tổ chức trong nước và quốc tế nhìn nhận, đánh giá cao thông qua những giải thưởng: Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giải thưởng quốc tế từ Global Banking and Finance Review, Top 100 giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam,...
- Những thành tựu mà Ngân hàng Việt Á đã đạt được trong những năm qua thông qua các dự án tái cấu trúc ngân hàng, đẩy mạnh mở rộng phát triển hệ thống, mạng lưới hoạt động sẽ là cơ sở quan trọng để Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV trong ngân hàng tiếp tục phong trào phấn đấu thi đua thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm 2021, trong đó được cụ thể hóa thành những mục tiêu, chương trình hành động như sau:
  - + Tiếp tục tăng trưởng cao về quy mô, chất lượng tài sản; mở rộng hoạt động kinh doanh theo chiến lược 10 ngành nghề trọng tâm.
  - + Tăng vốn điều lệ, bổ sung nguồn lực hoạt động; cải thiện chỉ số an toàn.
  - + Tiếp tục mở mới mạng lưới chi nhánh/PGD ở các địa bàn trọng điểm, mở rộng mạng lưới và quy mô hoạt động.
  - + Tiếp tục thúc đẩy xử lý nợ xấu, làm sạch bảng cân đối; thu hồi xử lý toàn bộ nợ bán VAMC.
- Tính đến ngày 31/03/2021, Doanh thu thuần của Ngân hàng trong 03 tháng đầu năm 2021 lần lượt đạt được 1.496 tỷ đồng tương đương đạt 20,76% doanh thu thuần theo kế hoạch đã đề ra cho năm 2021. Lợi nhuận sau thuế của VAB trong 03 tháng đầu năm 2021 đạt 125,169 tỷ đồng tương đương 23,76 % so với lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch năm 2021. Dự kiến, Ngân hàng sẽ nỗ lực để có thể hoàn thành 100% kế hoạch kinh doanh đã đề ra cho năm 2021.



- Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2021:
  - + Vốn điều lệ hiện tại: 4.449.635.670.000 đồng (*Bốn nghìn bốn trăm bốn mươi chín tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*).
  - + Vốn điều lệ tăng thêm: 950.000.000.000 đồng (*chín trăm năm mươi tỷ đồng*).
  - + Vốn điều lệ sau khi tăng: 5.399.635.670.000 đồng (*Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*).
  - + Cơ sở pháp lý: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 24/04/2021.
  - + Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu bằng nguồn lợi nhuận để lại năm 2020
  - + Thời gian chia cổ tức dự kiến: Thời gian cụ thể sẽ do HĐQT VietABank quyết định sau khi được NHNN và UBCKNN chấp thuận phương án chia cổ tức.
  - + Thời gian dự kiến hoàn thành việc chia cổ tức: Trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm VietABank được NHNN và UBCKNN chấp thuận phương án chia cổ tức.

#### **14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty đại chúng:**

Không có

#### **15. Chiến lược định hướng phát triển kinh doanh**

Ngân hàng Việt Á là một ngân hàng trẻ, năng động. Với định hướng phát triển bền vững, các nhiệm vụ trong thời gian tới của ngân hàng bao gồm:

- Tăng trưởng quy mô, đảm bảo hiệu quả và an toàn tài sản, tuân thủ các quy định chi số an toàn hoạt động theo quy định của NHNN
- Phát triển dịch vụ ngân hàng theo chiều sâu, nâng cao chất lượng dịch vụ, gắn với phát triển ngân hàng số, hạ tầng công nghệ của ngân hàng
- Tăng cường chất lượng hoạt động, tập trung nâng cao năng lực QTRR. Triển khai thực hiện TT13, TT41 theo Basel II
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới CN/PGD theo quy định, phê duyệt của ngân hàng. Nâng cấp và cải tạo trang thiết bị cho hệ thống
- Tăng cường củng cố chất lượng hoạt động, truyền thông và độ nhận diện của ngân hàng trong công chúng

Có thể nói, nói đến thời điểm này hệ thống ngân hàng nói chung và VietABank nói riêng đã hoàn thành cơ bản được các mục tiêu đặt ra trong giai đoạn 2018 – 2021 như tiếp tục lãnh mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng lực quản trị theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế...

Đặc biệt từ năm 2018 – cũng là năm bắt đầu triển khai Quyết định 986 về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đến năm 2020, hệ thống ngân hàng đã có những bước phát triển vượt bậc: Chính sách tiền tệ ổn định, cân trọng, góp phần quyết định vào việc ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng. Công tác thanh tra giám sát ngân hàng cũng đã được đổi mới cả về cấu trúc tổ chức, chức năng nhiệm vụ quy trình giám sát nền tảng công nghệ và nguồn nhân lực, góp phần quan trọng vào sự ổn định của hệ thống các NHTM tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều ngân hàng có được những bước phát triển đột phá cả về sản phẩm dịch vụ, công nghệ thông tin và đặc biệt là nền tảng tài chính.

Để thực hiện các chỉ đạo của NHNN, VietABank vẫn đang tiếp tục hoạt động kinh doanh theo mục tiêu chiến lược phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng, trong đó ưu tiên tập trung và áp dụng chiến lược khác biệt hóa để trở thành ngân hàng hàng đầu tại những lĩnh vực, dịch vụ mà VietABank có lợi thế cạnh tranh.

- Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021 đạt 526 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, để triển khai các mục tiêu chiến lược một cách đầy đủ, toàn diện đã đặt ra, Ban Lãnh đạo VietABank yêu cầu các đơn vị:

- Tiếp tục quán triệt một cách đầy đủ, sâu sắc về nội dung của chiến lược, đặc biệt là mục tiêu và nhiệm vụ giải pháp.
- Cụ thể hoá những chỉ tiêu, giải pháp của mình trong chiến lược cũng như kế hoạch hoạt động của từng đơn vị phù hợp với mục tiêu, giải pháp chiến lược đã đề ra và đảm bảo đúng lộ trình.
- Chủ động, sáng tạo triển khai hiệu quả, đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại chiến lược. Cùng với đó phối hợp chặt chẽ, có trách nhiệm với đơn vị đầu mối, đối với những nhiệm vụ cần có sự phối hợp của nhiều đơn vị.
- Thường xuyên tự đánh giá kết quả thực hiện, xác định khả năng đạt được nhiệm vụ được giao để có biện pháp điều chỉnh phù hợp, đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra.

#### **16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến công ty.**

Không có



## II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### ✦ Danh sách

**Bảng 31: Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phương Hữu Việt	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Văn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Văn Trọng	Thành viên HĐQT
Ông Phương Thành Long	Thành viên HĐQT

#### ✦ Sơ yếu lý lịch

##### ❖ Chủ tịch HĐQT - Ông Phương Hữu Việt

- Họ và tên : Phương Hữu Việt
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/07/1964
- Nơi sinh : Thôn Lương Xá, xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
- Số CMND : 027064000264
- Nơi cấp : Cục cảnh sát QLHCVTXXH Ngày cấp 06/05/2020
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Thôn Lương Xá, xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : C27B tập thể Bộ Nội Vụ, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Chức vụ hiện tại : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
-----------	---------

Từ năm 1997 đến năm 2005	- Đại biểu Quốc hội khóa X, XI; Ủy viên Ủy ban Kinh tế ngân sách Quốc hội khóa XI. - Phó Chủ tịch Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam.
Từ năm 2005 đến năm 2008	- Đại biểu Quốc hội khóa XI, XII; Ủy viên Ủy ban Kinh tế ngân sách Quốc hội khóa XI; Ủy viên Ủy ban Kinh tế Quốc hội khóa XII. - Chủ tịch Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam.
Từ năm 2008 đến T03/2011	- Đại biểu Quốc hội khóa XII; Ủy viên Ủy ban Kinh tế Quốc hội khóa XII. - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương.
Từ T03/2011 đến T08/2011	- Đại biểu Quốc hội khóa XII; Ủy viên Ủy ban Kinh tế Quốc hội khóa XII. - Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Á.
Từ T08/2011 đến T05/2012	- Đại biểu Quốc hội khóa XII, XIII; Ủy viên Ủy ban Kinh tế Quốc hội khóa XII, XIII. - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Á.
Từ T05/2012 đến năm 2017	- Đại biểu Quốc hội khóa XIII; Ủy viên Ủy ban Kinh tế Quốc hội khóa XIII. - Chủ tịch Ủy ban Việt Nam – Lào – Campuchia - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ năm 2017 đến nay	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 20.231.895 cổ phần (tương ứng với 4,55% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 20.231.895 cổ phần (tương ứng với 4,55% Vốn điều lệ).
  - Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á:

Cá nhân/Tổ chức	Quan hệ	Số CMTND với cá nhân/ Giấy ĐKKD với tổ chức	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) vốn điều lệ
Lương Thị Linh	Chị Dâu	CMND số 012184702 cấp ngày 15/03/1999 tại Hà Nội	1.055.100	0,237

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có



- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

**❖ Phó Chủ tịch HĐQT – Phan Văn Tới**

- Họ và tên : Phan Văn Tới
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/01/1957
- Nơi sinh : Huyện Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh
- Số CMND : 020240648
- Cấp ngày : 27/07/2004
- Nơi cấp : CA TP. HCM
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú : 356 Quốc Lộ 22, Ấp Tân Tiến, Huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Thương mại Cù Chi.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1978 đến 1979	Kế toán tổng hợp trạm xăng dầu số 10 Chức vụ: Nhân viên Kế toán
Từ năm 1979 đến 1984	Công ty vật tư tổng hợp huyện Cù Chi Chức vụ: Phó phòng Kế toán
Từ năm 1984 đến 1987	Công ty vật tư tổng hợp huyện Cù Chi Chức vụ: Giám đốc
Từ năm 1987 đến 2002	Công ty Thương mại Cù Chi Chức vụ: Giám đốc
Từ năm 2002 đến 2011	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển CN – TM Cù Chi Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 2011 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển CN – TM Cù Chi

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Việt Á  
Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện phần vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Thương mại Củ Chi: 8.890.322 cổ phần (tương ứng với 1,998% Vốn điều lệ).

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á:

Cá nhân/Tổ chức	Quan hệ	Số CMND với cá nhân/ Giấy ĐKKD với tổ chức	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) vốn điều lệ
CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Thương mại Củ Chi	Ông Phan Văn Tới - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	4103001163	8.890.322 cổ phần	1,998%

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – Trần Tiến Dũng**

- Họ và tên : Trần Tiến Dũng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 19/08/1962
- Nơi sinh : Bắc Giang
- Số CMND : 023282056
- Nơi cấp : Công An TP.Hồ Chí Minh
- Ngày cấp : 07/03/2012
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Bắc Giang



- Địa chỉ thường trú : 215D10 Nguyễn Văn Hường, phường Thảo Điền, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điều khiển tàu biển
- Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1987 đến năm 1993	Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu biển Việt Nam Chức vụ: Nhân viên
Từ năm 1993 đến năm 1996	Công ty liên doanh dầu khí Việt – Xô Chức vụ: Điều độ viên
Từ năm 1996 đến năm 2008	Công ty liên doanh vận tải biển Việt – Pháp Chức vụ: Phụ trách pháp chế
Từ năm 2008 đến năm 2012	Công ty cổ phần Gemadept Chức vụ: Phụ trách pháp chế
Từ năm 2012 đến năm 2018	Ngân hàng TMCP Việt Á Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ
Từ năm 2018 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Á Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 4.526.379 cổ phần (tương ứng với 1,017% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 4.526.379 cổ phần (tương ứng với 1,017% Vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Thành viên HĐQT độc lập – Nguyễn Hồng Hải**

- Họ và tên : Nguyễn Hồng Hải
- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 07/07/1960
- Nơi sinh : Thôn An Trụ, xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
- Số CMND : 010302871
- Nơi cấp : Công an TP Hà Nội
- Ngày cấp : 04/03/2008
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 17-19 ngõ 31, Đường Nguyễn Chí thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải
- Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT, PTGD - Công ty CP đầu tư Infinity Group
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
2/1983 đến tháng 6/1986	Công nhân Ga Vật Cách – tuyến đường sắt Hà Nội – Hải Phòng – Tổng Công ty đường sắt Việt Nam
6/1986 đến tháng 6/1992	Chuyên viên phòng TCKT Công ty dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội
6/1992 đến tháng 6/1994	Chuyên viên phòng TCKT, Bí thư đoàn thanh niên Công ty Công ty dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội
6/1994 đến tháng 8/1996	Phó phòng TCKT, Bí thư đoàn Công ty Công ty dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội
8/1996 đến tháng 3/1999	Q.trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Bí thư đoàn Công ty Công ty dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội
3/1999 đến tháng 9/2003	Phó TGD kiêm trưởng phòng TCKT Công ty dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội
9/2003 đến tháng 2/2011	Trưởng phòng Tài chính kế toán -Kiểm thu Công ty vận tải hàng hóa đường sắt



2/2011 đến tháng 3/2014	Kế toán trưởng Công ty Công ty vận tải hàng hóa đường sắt
4/2014 đến tháng 12/2014	Phó trưởng ban tài chính kế toán Tổng công ty đường sắt Việt Nam
01/2015 đến tháng 01/2016	Ủy viên HĐQT, kiêm Phó TGD Công ty Công ty TNHH một thành viên vận tải đường sắt Sài Gòn
02/2016 đến tháng 9/2016	Ủy viên HĐQT kiêm phó TGD Công ty Công ty CP vận tải đường sắt Sài Gòn
10/2016 đến tháng 12/2019	Phó TGD kiêm GD tài chính kế toán Công ty TNHH Capella Group
11/2016 đến tháng 06/2020	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom Nay là Công ty Cổ phần SAM HOLDINGS
02/2017 đến 20/06/2020	Thành viên HĐQT, PTGD Công ty CP đầu tư Infinity Group
20/06/2020 đến nay	Thành viên HĐQT, PTGD Công ty CP đầu tư Infinity Group Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Việt Á

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành – Nguyễn Văn Trọng**

- Họ và tên : Nguyễn Văn Trọng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/01/1970
- Nơi sinh : Tân Lãng, Lương Tài, Bắc Ninh

- Số CMND : 027070000024
- Nơi cấp : Cục trưởng cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày cấp : 04/09/2014
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : Số 308 ngõ 138 Tổ 15 Phương Liên Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
7/1995 – 12/1996	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Thăng Long Vàng - tại Hà nội
1/1997 – 5/1999	Kế toán trưởng Công ty TNHH vận tải Thành Công - tại Quảng ninh
6/1999 – 6/2000	Kế toán trưởng Công ty XNK May Anh Vũ - Tại Khu công nghiệp phố nổi Hưng yên
7/2000 – 3/2007	Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương
4/2007 – 12/2013	Phó ban Kỹ thuật viễn thông Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện VTC
01/2014 – T10/2018	Phó ban Tài chính kế toán Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện VTC, kiểm soát viên tại Công ty Viễn thông số VTC
11/2018 – T12/2019	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH Capella Group
T1/2020 – T3/2020	Phó Giám đốc phụ trách khối tài chính Ngân Hàng Vietabank
T4/2020 – T6/2020	Phó TGD Phụ trách khối tài chính, kế toán Ngân hàng Vietabank
T7/2020 - T4/2021	Phó TGD Phụ trách điều hành Vietabank



T4/2021 – nay	Phó TGD Phụ trách điều hành Vietabank Thành viên HĐQT - Vietabank
---------------	--

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
  - Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ ***Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – Phương Thành Long***

- Họ và tên : Phương Thành Long
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 02/07/1983
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Số CMND : Số 027083000472
- Nơi cấp : 17/07/2017
- Ngày cấp : Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : 44 Liên Trì, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối QTRR, Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
-----------	---------

Từ T11/2009 đến T07/2012	Chuyên viên, trưởng nhóm KHDN Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Từ T07/2012 đến T01/2014	Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T02/2014 đến T08/2014	Phó Giám đốc trung tâm phê duyệt tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T02/2015 đến T10/2015	Giám đốc cao cấp QHKH – Khối KHDN Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
Từ T05/2016 đến T12/2020	Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trí Việt
Từ T07/2017 đến T8/2018	Trưởng ban Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (Nay là SAM HOLDINGS)
Từ T03/2018 đến T10/2020	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SAM Holdings
Từ năm 2020 đến T5/2021	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia
Từ T11/2020 đến T01/2021	Giám đốc khối QTRR Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T01/2021 đến T4/2021	Giám đốc khối QTRR Ngân hàng TMCP Việt Á Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối QTRR Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T4/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối QTRR Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Á

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
  - Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á:

Cá nhân/Tổ chức	Quan hệ	Số CMTND với cá nhân/ Giấy ĐKKD với tổ chức	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) vốn điều lệ



Lương Thị Linh	Mẹ đẻ	027155000017 cấp ngày 03/06/2014 tại Cục CS ĐKQLCTVDLQGVCĐ	1.055.100	0,237
----------------	-------	--	-----------	-------

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

## 2. Ban Kiểm soát

### ⚡ Danh sách

**Bảng 32: Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Kim Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hoan	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Hoàng Vũ Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát

### ⚡ Sơ yếu lý lịch

#### ❖ Trưởng Ban kiểm soát – Nguyễn Kim Phượng

- Họ và tên : Nguyễn Kim Phượng
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 26/11/1966
- Nơi sinh : Xã Châu Phú B, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang
- Số CMND : 350759425
- Nơi cấp : Công an An Giang
- Ngày cấp : 15/01/2003
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : 96B4, đường Cao Thắng, khóm Bình Khánh 6, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 01/1987 đến 08/1989	Ngân hàng Nhà nước huyện Châu Phú, tỉnh An Giang Chức vụ: Nhân viên tín dụng nông nghiệp
Từ 09/1989 đến 11/1990	Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp huyện Châu Phú, tỉnh An Giang Chức vụ: Phó phòng Nghiệp vụ kinh doanh
Từ 12/1990 đến 02/1991	Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp tỉnh An Giang Chức vụ: Nhân viên tín dụng
Từ 03/1991 đến 05/1996	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chi nhánh tỉnh An Giang Chức vụ: Kiểm soát viên
Từ 06/1996 đến 06/2002	Phó phòng Kiểm soát Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh kiêm Trưởng phòng Kiểm soát Ngân hàng Phục vụ Người nghèo tỉnh An Giang
Từ 07/2002 đến 12/2002	Phó phòng Kế toán – Ngân quỹ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh, kiêm Trưởng phòng Kiểm soát Ngân hàng Phục vụ Người nghèo tỉnh An Giang
Từ 01/2003 đến 09/2007	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm tra, Kiểm toán nội bộ
Từ 10/2007 đến 07/2010	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ
Từ 08/2010 đến 06/2013	Ngân hàng TMCP Việt Á Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ
Từ 07/2013 đến 04/2015	Ngân hàng TMCP Việt Á Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ
Từ 05/2015 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Á Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.055 cổ phần (tương ứng với 0,00024% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 1.055 cổ phần (tương ứng với 0,00024% Vốn điều lệ).*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có



- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Thành viên Ban kiểm soát – Nguyễn Thị Hoan**

- Họ và tên : Nguyễn Thị Hoan
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 09/09/1978
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 013412690
- Nơi cấp : Công an Hà Nội
- Ngày cấp : 28/04/2011
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : P503 nhà B TT Hồ Quỳnh, Ngõ 88 Võ thị Sáu, Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng – Công ty TNHH điện lạnh Hòa Phát
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2000 đến năm 2002	Công ty cổ phần đầu tư phát triển doanh nghiệp trẻ Chức vụ: Nhân viên Kế toán
Từ năm 2003 đến 05/2005	Công ty TNHH Nhựa Hòa Phát Chức vụ: Nhân viên Kế toán
Từ 06/2005 đến 04/2007	Công ty TNHH Hàn Việt Chức vụ: Nhân viên Kế toán
Từ 05/2007 đến nay	Công ty TNHH điện lạnh Hòa Phát Chức vụ: Kế toán trưởng
Từ năm 2013 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Á Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (trương ứng với 0% Vốn điều lệ).

**Trong đó:**

- *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Thành viên Ban kiểm soát – Hoàng Vũ Tùng**

- Họ và tên : Hoàng Vũ Tùng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/10/1968
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 011539839
- Nơi cấp : Công an TP Hà Nội
- Ngày cấp : 24/10/2007
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Phòng 103 B1 Láng Hạ- Đống Đa- Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1992 đến năm 1994	Công Ty XKN MỸ NGHỆ Thăng Long- Bộ Thương Mại Chức vụ: Nhân viên
Từ T12/1994 đến T07/1997	Ngân Hàng Nam Á - Chi nhánh Hà Nội Chức vụ: Nhân viên tín dụng
Từ T12/1999 đến T05/2015	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank) - Chi nhánh Hà Nội Chức vụ: Phó Giám đốc
Từ T05/2015 đến T12/2016	Ngân hàng TMCP Việt Á Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách CN Hà Nội



Từ T12/2016 đến 31/03/2018	Phó văn phòng khu vực miền Bắc kiêm Phó Giám đốc phòng Quản lý nợ Hội sở - Ngân hàng Việt Nam Thương Tín
Từ T04/2018 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Á Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với % Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

### 3. Ban Tổng giám đốc

✚ *Danh sách*

**Bảng 33: Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Tổng Giám đốc điều hành
Ông Phạm Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cù Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phương Thành Long	Phó Tổng Giám đốc

✚ *Sơ yếu lý lịch*

- ❖ *Phó Tổng Giám đốc điều hành – Nguyễn Văn Trọng (đã trình bày phần HĐQT)*
- ❖ *Phó Tổng Giám đốc – Trần Tiến Dũng (đã trình bày phần HĐQT)*
- ❖ *Phó Tổng Giám đốc – Phương Thành Long (đã trình bày phần HĐQT)*
- ❖ *Phó Tổng Giám đốc – Phạm Linh*

- Họ và tên : Phạm Linh

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 27/10/1974
- Nơi sinh : Nam Định
- Số CMND : 022947142
- Nơi cấp : CA TP.HCM
- Ngày cấp : 07/01/2009
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 4A/4/40 đường 30/4, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 06/2003 đến 07/2007	Ngân hàng Quốc tế VIB – Chi nhánh Hồ Chí Minh Chức vụ: Giám đốc kinh doanh
Từ 08/2007 đến 12/2009	Công ty CP Chứng khoán Phương Đông Chức vụ: Tổng Giám đốc
Từ 12/2009 đến 06/2014	Ngân hàng TMCP Phương Đông Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Từ 06/2014 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Á Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).*
- *Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có



❖ **Phó Tổng Giám đốc – Cù Anh Tuấn**

- Họ và tên : Cù Anh Tuấn
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 15/11/1972
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 001072013062
- Nơi cấp : Cục trưởng Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày cấp : 23/05/2017
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Tổ 11, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- Chức vụ hiện tại : Phó chủ tịch thường trực UB chiến lược và nhân sự, Chánh VP HĐQT kiêm Phó chủ tịch thường trực UB chiến lược và nhân sự, Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T06/1994 đến T06/1995	Nhân viên kế toán Cty TNHH chế tạo và gia công chế biến hàng XNK Việt Nam(VMEP)
Từ T07/1995 đến T07/2005	Trưởng bộ phận kế toán Công ty Viễn thông Motorola Việt Nam
Từ T08/2005 đến T03/2007	Giám đốc tài chính Công ty TNHH Fujitsu Việt Nam
Từ T04/2007 đến T04/2011	Chuyên viên, Trưởng ban tài chính-kế toán Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
Từ T04/2011 đến T04/2014	Giám đốc khối tài chính kế hoạch Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Từ T04/2014 đến T01/2018	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP An Bình
Từ T07/2018 đến T11/2018	Tổng giám đốc điều hành Công ty CP thương mại và đầu tư Thủ đô

Từ T04/2019 đến T10/2019	Tổng Giám đốc Công ty CP Boo Nhà máy nước Phú Ninh
Từ T11/2019 đến T01/2020	Phó chủ tịch thường trực UB chiến lược và nhân sự Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ T01/2020 - nay	Phó chủ tịch thường trực UB chiến lược và nhân sự Chánh VP HĐQT kiêm Phó chủ tịch thường trực UB chiến lược và nhân sự Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Á

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

❖ **Phó Tổng Giám đốc – Lê Minh Huấn**

- Họ và tên : Lê Minh Huấn
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 16/06/1971
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- Số CMND : 025332626
- Nơi cấp : Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày cấp : 10/12/2010
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 181/12/4 Tân Phước, P.6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy tính
- Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc



- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2001 đến năm 2005	Trung tâm Công nghệ Phần mềm Sài Gòn (SSP) Chức vụ: Trưởng phòng lập trình
Từ năm 2006 đến năm 2007	Ngân hàng HD Bank Chức vụ: Phó phòng tin học
Từ năm 2007 đến năm 2009	Ngân hàng HD Bank Chức vụ: Giám đốc Ban triển khai các dự án CNTT
Từ năm 2009 đến 07/2010	Ngân hàng HD Bank Chức vụ: Trưởng phòng phát hành thẻ
Từ 07/2010 đến 02/2011	Ngân hàng TMCP Đệ Nhất Chức vụ: Trưởng phòng CNTT
Từ 02/2011 đến 31/12/2011	Ngân hàng TMCP Đệ Nhất Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách CNTT
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2019	Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối CNTT
Từ 12/2019 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Á Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

#### 4. Phụ trách kế toán

##### ✦ Danh sách

**Bảng 34: Phụ trách kế toán**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thành Công	Phụ trách kế toán kiêm Phó Giám đốc Khối tài chính

##### ✦ Sơ yếu lý lịch

###### ❖ Phụ trách kế toán – Nguyễn Thành Công

- Họ và tên : Nguyễn Thành Công
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 21/01/1983
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Số CMND : 013365559
- Nơi cấp : Hà Nội
- Ngày cấp : 06/11/2010
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú : Chung cư Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài Chính Ngân hàng
- Chức vụ hiện tại : Phó Giám đốc Khối tài chính và Phụ trách kế toán
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 01/08/2005 đến 01/03/2006	Nhân viên xuất nhập khẩu Công ty TNHH điện tử Việt Tín
Từ 02/03/2006 đến 31/12/2007	Chuyên viên tín dụng Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa
Từ 01/02/2008 đến 01/07/2015	Phó trưởng phòng kế hoạch tài chính Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex



Từ 27/7/2015 đến 20/06/2020	Phó Giám đốc Khối Tài chính Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 20/06/2020 đến nay	Phó Giám đốc Khối Tài chính Phụ trách kế toán Ngân hàng TMCP Việt Á

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện phần vốn: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

## 5. Kế hoạch tăng cường quản trị Ngân hàng

Ngân hàng đã đăng ký Công ty đại chúng, Ngân hàng TMCP Việt Á sẽ áp dụng và tuân thủ các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ban hành tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán:

Ngân hàng hiện đang hoạt động và tuân thủ theo các quy định về Công ty đại chúng, việc minh bạch hóa bộ máy quản lý, công bố thông tin được thực hiện đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định. Ngân hàng luôn chú trọng việc tiếp tục nâng cao công tác quản trị như sau:

Điều lệ Ngân Hàng đã tuân thủ Luật Doanh Nghiệp và tham chiếu theo Điều Lệ Mẫu quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Tuân thủ nghiêm túc quy định của Luật tổ chức tín dụng cũng như quy định của Ngân hàng Nhà Nước;
- Kien toàn bộ máy và hoàn thiện định hướng phát triển của Ngân hàng 05 năm tới;

- Đào tạo nguồn nhân lực kế cận, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên Ngân hàng nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn;
- Nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin vận hành an toàn, áp dụng công nghệ mới cho việc phát triển sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng;
- Nâng cao chất lượng công tác quản lý rủi ro trên cơ sở triển khai nghiêm túc về tỷ lệ an toàn vốn (theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam) và hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB theo thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18 tháng 05 năm 2018 được cập nhật theo tiêu chuẩn Basel II.
- Tiếp tục kiện toàn năng lực quản trị rủi ro trên các rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro hoạt động;
- Thực hiện tốt các công tác truyền thông, cải thiện hiệu quả hoạt động quảng cáo thương hiệu;
- Ngân hàng luôn quan tâm đến việc nâng cao tính sáng tạo trong công tác quản lý cũng như trong sản xuất nhằm thúc đẩy Ngân hàng phát triển bền vững.
- Cam kết tăng cường quản trị công ty tuân thủ quy định số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

**Bảng 35: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

STT	Người nội bộ	Chức vụ	Người liên quan của người nội bộ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Tài khoản
1	Phương Hữu Việt	Chủ tịch HĐQT		20.231.895	4,55%	Không có
1.1	Phương Xuân Hòa		Bố đẻ	0	0%	Không có
1.2	Lương Thị Bến		Mẹ đẻ	0	0%	Không có
1.3	Đỗ Lê Minh		Vợ	0	0%	Không có
1.4	Phương Hồng Minh		Con đẻ	0	0%	Không có
1.5	Phương Quốc Bình		Con đẻ	0	0%	Không có



1.6	Phương Việt Linh		Con đẻ	0	0%	Không có
1.7	Phương Thanh Đình		Anh trai	0	0%	Không có
1.8	Hà Thị Liên		Chị dâu	0	0%	Không có
1.9	Phương Xuân Thịnh		Anh Trai	0	0%	Không có
1.10	Nguyễn Thị Lan		Chị dâu	0	0%	Không có
1.11	Phương Hữu Lĩnh		Anh trai	0	0%	Không có
1.12	Lương Thị Linh		Chị dâu	1.055.100	0,237%	Không có
1.13	Phương Minh Nam		Anh trai	0	0%	Không có
1.14	Nguyễn Thị Hạnh		Chị dâu	0	0%	Không có
2	<b>Phan Văn Tới</b>	<b>Phó Chủ tịch HDQT</b>		<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>Không có</b>
2.1	Nguyễn Như Mục		Bố đẻ	0	0%	Không có
2.2	Phạm thị Tâm		Mẹ đẻ	0	0%	Không có
2.3	Ngô Thu Hương		Vợ	0	0%	Không có
2.4	Nguyễn Duy Anh		Con trai	0	0%	Không có
2.5	Nguyễn Hoàng Long		Con trai	0	0%	Không có
2.6	Nguyễn Hồng Giang		Em trai	0	0%	Không có

2.7	Nguyễn Thu Hà		Em gái	0	0%	Không có
2.8	Nguyễn Thị Ánh		Em dâu	0	0%	Không có
2.9	Lại Anh Tuấn		Em rể	0	0%	Không có
2.10	CTCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CN-TM CỬ CHỈ		Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	8.980.322	1,998%	Không có
3	Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		4.526.379	1,017%	Không có
3.1	Trần Minh Thông		Bố đẻ	0	0%	Không có
3.2	Ninh Thị Chiêu		Mẹ	0	0%	Không có
3.3	Trần Thị Minh Thu		Chị gái	0	0%	Không có
3.4	Lâm Nhật Phương		Vợ	0	0%	Không có
3.5	Trần Nhật Nam Phương		Con gái	0	0%	Không có
3.6	Trần Nhật Phương Vy		Con gái	0	0%	Không có
3.7	Trần Đức Anh		Con trai	0	0%	Không có
3.8	Trần Thị Minh Thu		Chị Gái	0	0%	Không có
3.9	Nguyễn Gia Sào		Anh rể	0	0%	Không có



3.10	Trần Minh Đông		Anh trai	0	0%	Không có
3.11	Mai Xuân Nghĩa		Chị dâu	0	0%	Không có
3.12	Trần Minh Thanh		Chị gái	0	0%	Không có
3.13	Bùi Duy Thơm		Anh rể	0	0%	Không có
3.14	Trần Minh Hà		Em gái	0	0%	Không có
3.15	Lê Mậu Lâm		Em rể			Không có
<b>4</b>	<b>Nguyễn Hồng Hải</b>	<b>Thành viên HĐQT độc lập</b>		<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>Không có</b>
4.1	Nguyễn Như Mực		Bố đẻ	0	0%	Không có
4.2	Phạm thị Tâm		Mẹ đẻ	0	0%	Không có
4.3	Ngô Thu Hương		Vợ	0	0%	Không có
4.4	Nguyễn Duy Anh		Con trai	0	0%	Không có
4.5	Nguyễn Hoàng Long		Con trai	0	0%	Không có
4.6	Nguyễn Hồng Giang		Em trai	0	0%	Không có
4.7	Nguyễn Thu Hà		Em gái	0	0%	Không có
4.8	Nguyễn Thị Ánh		Em dâu	0	0%	Không có

4.9	Lại Anh Tuấn		Em rể	0	0%	Không có
5	Phương Thành Long	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		0	0%	Không có
5.1	Phương Hữu Lĩnh		Bố đẻ	0	0%	Không có
5.2	Lương Thị Linh		Mẹ đẻ	0	0%	Không có
5.3	Phương Thùy Liên		Chị gái	0	0%	Không có
5.4	Nguyễn Xuân Dũng		Anh rể	0	0%	Không có
5.5	Phương Minh Luận		Anh trai	0	0%	Không có
5.6	Nguyễn Phương Hạnh		Chị dâu	0	0%	Không có
5.7	Phương Khánh An		Con gái	0	0%	Không có
6	Nguyễn Văn Trọng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành, Người CBTT		0	0%	Không có
6.1	Nguyễn Văn Tự		Cha ruột	0	0%	Không có
6.2	Nguyễn Thị Nguyệt		Mẹ ruột	0	0%	Không có
6.3	Thái Thị Hồng Phượng		Vợ	0	0%	Không có
6.4	Nguyễn Thái Tuấn		Con	0	0%	Không có
6.5	Nguyễn Thảo Phương		Con	0	0%	Không có



6.6	Nguyễn Thị Kính		Chị gái	0	0%	Không có
6.7	Nguyễn Thị Đại		Em gái	0	0%	Không có
6.8	Phùng Văn Trung		Em rể	0	0%	Không có
6.9	Nguyễn Thị Lý		Em gái	0	0%	Không có
6.10	Nguyễn Văn Sở		Em rể	0	0%	Không có
6.11	Nguyễn Văn Thuyết		Em trai	0	0%	Không có
6.12	Nguyễn Thu Hằng		Em dâu	0	0%	Không có
6.13	Thái Minh Hải		Bố vợ	0	0%	Không có
6.14	Bùi Thị An		Mẹ vợ	0	0%	Không có
7	<b>Phạm Linh</b>	<b>Phó Tổng Giám đốc</b>		<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>Không có</b>
7.1	Phạm Tòa		Cha ruột	0	0%	Không có
7.2	Phan Thị Hồng		Mẹ ruột	0	0%	Không có
7.3	Lê Thị Kim Loan		Vợ	0	0%	Không có
7.4	Phạm Lê Anh Thư		Con	0	0%	Không có
7.5	Phạm Nguyên Chương		Con	0	0%	Không có
7.6	Phạm Hồng Thùy		Em gái	0	0%	Không có

8	Cù Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc		0	0%	Không có
8.1	Cù Đình Chí		Cha ruột	0	0%	Không có
8.2	Nguyễn Thị Tính		Mẹ ruột	0	0%	Không có
8.3	Nguyễn Thị Thanh Nga		Vợ	0	0%	Không có
8.4	Cù Ngọc Linh Trang		Con	0	0%	Không có
8.5	Cù Ngọc Mai Trang		Con	0	0%	Không có
8.6	Cù Tuấn Minh		Con	0	0%	Không có
8.7	Cù Đình Tú		Em trai	0	0%	Không có
8.8	Cù Anh Tiến		Em trai	0	0%	Không có
8.9	Cù Thị Thu Phương		Em gái	0	0%	Không có
9	Lê Minh Huấn	Phó Tổng Giám đốc		0	0%	Không có
9.1	Lê Minh Châu		Cha ruột	0	0%	Không có
9.2	Lê Thị Chuyên		Mẹ ruột	0	0%	Không có
9.3	Huỳnh Thị Thanh Tuyền		Vợ	0	0%	Không có
9.4	Lê Minh Khang		Con	0	0%	Không có
9.5	Lê Minh Ngọc Khuê		Con	0	0%	Không có



9.6	Lê Minh Đức Uyển		Em ruột	0	0%	Không có
9.7	Lê Minh Trị		Em ruột	0	0%	Không có
9.8	Lê Minh Hiền		Em ruột	0	0%	Không có
9.9	Nguyễn Thị Tình		Em dâu	0	0%	Không có
10	<b>Nguyễn Kim Phượng</b>	<b>Trưởng Ban Kiểm soát</b>		<b>1.055</b>	<b>0.00024%</b>	<b>Không có</b>
10.1	Nguyễn Văn Tám		Bố đẻ	0	0%	Không có
10.2	Nguyễn Kim Em		Mẹ đẻ	0	0%	Không có
10.3	Nguyễn Thanh Tùng		Em trai	0	0%	Không có
10.4	Nguyễn Thị Nga		Em dâu	0	0%	Không có
10.5	Nguyễn Thanh Sơn		Em trai	0	0%	Không có
10.6	Nguyễn Thị Kim Loan		Em dâu	0	0%	Không có
10.7	Nguyễn Thị Kim Xoàn		Em gái	0	0%	Không có
10.8	Phan Văn Cường		Em rể	0	0%	Không có
10.9	Nguyễn Thanh Long		Em trai	0	0%	Không có
11	<b>Nguyễn Thị Hoan</b>	<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>Không có</b>

11.1	Nguyễn Văn Hán		Bố đẻ	0	0%	Không có
11.2	Vũ Thị Tơ		Mẹ đẻ	0	0%	Không có
11.3	Nguyễn Văn Tâm		Chồng	0	0%	Không có
11.4	Nguyễn Thị Vân Hà		Con gái	0	0%	Không có
11.5	Nguyễn Việt Hà		Con gái	0	0%	Không có
11.6	Nguyễn Quang Khải		Em trai	0	0%	Không có
11.7	Nguyễn Thảo Lan		Em dâu	0	0%	Không có
11.8	Nguyễn Thị Quang Hường		Em gái	0	0%	Không có
11.9	Phạm Đình Chử		Em rể	0	0%	Không có
11.10	Nguyễn Văn Hoàn		Em trai	0	0%	Không có
11.11	Nguyễn Thị Ngân		Em dâu	0	0%	Không có
12	<b>Hoàng Vũ Tùng</b>	<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>Không có</b>
12.1	Hoàng Lai		Bố đẻ	0	0%	Không có
12.2	Vũ Thị Kim Thìn		Mẹ đẻ	0	0%	Không có
12.3	Trần Thị Lệ Dung		Vợ	0	0%	Không có
12.4	Hoàng Gia Bách		Con	0	0%	Không có



12.5	Hoàng Gia An		Con	0	0%	Không có
12.6	Hoàng Vũ Linh		Anh trai	0	0%	Không có
12.7	Hoàng Mỹ Phượng		Em gái	0	0%	Không có
12.8	John Byron Elippoulos		Em rể	0	0%	Không có
13	<b>Nguyễn Thành Công</b>	<b>Phụ trách kế toán</b>		<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>Không có</b>
13.1	Nguyễn Thiện Để		Bố ruột	0	0%	Không có
13.2	Lưu Thị Trang		Mẹ ruột	0	0%	Không có
13.3	Nguyễn Thị Thanh Vân		Vợ	0	0%	Không có
13.4	Nguyễn Hải Phong		Con trai	0	0%	Không có
13.5	Nguyễn Quỳnh Chi		Con gái	0	0%	Không có
13.6	Nguyễn Thị Phương Nhung		Em gái	0	0%	Không có
13.7	Nguyễn Thế Vĩnh		Em rể	0	0%	Không có
14	<b>Nguyễn Văn Trọng</b>	<b>Người CBTT</b>	<b>Đã trình bày tại mục 6</b>			

7. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất):

**Bảng 36: Các giao dịch với người có liên quan phát sinh trong năm 2020**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư tại 31/12/2020 Phải thu (Phải trả)
Hội đồng quản trị	Thành viên chủ chốt	Chi phí lãi tiền gửi	3.402.651	
		Số dư tiền gửi		(25.471.916.138)
		Thù lao	5.380.000.000	
Ban kiểm soát	Thành viên chủ chốt	Chi phí lãi tiền gửi	165.206.844	
		Số dư tiền gửi		(1.873.231.886)
		Thù lao	1.750.000.000	
Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt	Chi phí lãi tiền gửi	693.387.626	
		Số dư tiền gửi		(19.220.398.923)
		Thù lao	9.344.109.988	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020

**Bảng 37: Các giao dịch với người liên quan phát sinh trong Quý I/2021**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh (Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021)	Số dư tại 31/3/2021 Phải thu (Phải trả)
Hội đồng quản trị	Thành viên chủ chốt	Chi phí lãi tiền gửi	31.692.656	
		Số dư tiền gửi		(29.995.419.434)
		Thù lao	1.293.500.000	
Ban kiểm soát	Thành viên chủ chốt	Chi phí lãi tiền gửi	33.582.554	
		Số dư tiền gửi		(1.928.080.586)
		Thù lao	560.000.000	
Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt	Chi phí lãi tiền gửi	306.576.184	
		Số dư tiền gửi		(17.526.132.659)
		Thù lao	3.598.733.617	

Nguồn: Thông tin VAB cung cấp



Hà Nội, ngày 28 tháng ...06 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA  
CÔNG TY ĐẠI CHỨNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHƯƠNG HỮU VIỆT

